

TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ QUỐC GIA VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY
PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ-CTCP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 586 /PBHC-TCKT
V/v Công bố BCTC 6 tháng đầu năm 2016
đã được kiểm toán

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 8 năm 2016

Kính gửi:

- Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước;
- Sở Giao Dịch Chứng Khoán Tp.HCM.

Thực hiện thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài Chính về việc hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí – CTCP kính gửi Ủy ban chứng khoán Nhà Nước và Sở giao dịch chứng khoán TP.HCM Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2016 sau kiểm toán như sau:

1. Báo cáo tài chính Hợp nhất 6 tháng đầu năm 2016;
2. Báo cáo tài chính Công ty mẹ 6 tháng đầu năm 2016.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch HĐQT; NĐDPV (để b/c);
- TGD (để b/c); PTGD N.V.Tổng
- Ban KS (để b/c)
- KTNB; TTTT (p/h)
- Lưu: VT, TCKT, (TXT,06b)

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
PHÓ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



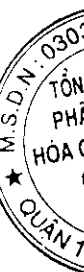
Nguyễn Thị Hiền

**TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ -
CÔNG TY CỔ PHẦN**

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã Hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA
NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 – 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	7 - 8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	9 - 39

12500
CÔNG TY
HÓA CHẤT
LỢI TH
HÀNG
H. TP.

6
C
E
Á
Đ
Ó
T

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần (gọi tắt là “Tổng Công ty”) đề trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Tổng Công ty cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Tổng Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Cự Tân	Chủ tịch
Bà Nguyễn Thị Hiền	Phó Chủ tịch
Ông Đoàn Văn Nhuộm	Ủy viên
Ông Nguyễn Hồng Vinh	Ủy Viên
Ông Louis T.Nguyen	Ủy viên (bổ nhiệm ngày 29 tháng 4 năm 2016)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Đoàn Văn Nhuộm	Tổng Giám đốc
Bà Trần Thị Phương Thảo	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 29 tháng 4 năm 2016)
Ông Từ Cường	Phó Tổng Giám đốc
Ông Hoàng Việt Dũng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Văn Quốc Việt	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Tông	Phó Tổng Giám đốc
Ông Dương Trí Hội	Phó Tổng Giám đốc
Bà Lê Thị Thu Hương	Phó Tổng Giám đốc
Ông Võ Ngọc Phương	Kế toán trưởng (bổ nhiệm ngày 29 tháng 4 năm 2016)
Ông Huỳnh Kim Nhân	Kế toán trưởng (miễn nhiệm ngày 29 tháng 4 năm 2016)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong kỳ, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

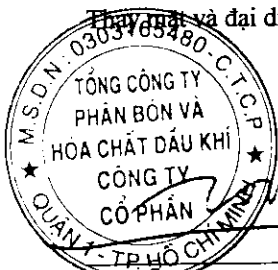
TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ hay không;
- Lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Văn Tông
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 10 tháng 8 năm 2016
Tp. Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Số:  /VNIA-HN-BC

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần (gọi tắt là "Tổng Công ty"), được lập ngày 10 tháng 8 năm 2016, từ trang 4 đến trang 39, bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

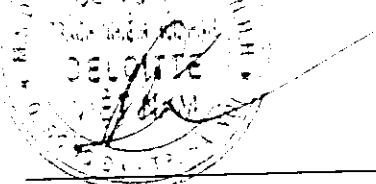
Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.



Đặng Chí Dũng
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0030-2013-001-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM
Ngày 10 tháng 8 năm 2016
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Tên Deloitte được dùng để chỉ một hoặc nhiều thành viên của Deloitte Touche Tohmatsu Limited, một công ty TNHH có trụ sở tại Anh, và mạng lưới các hãng thành viên - mỗi thành viên là một tổ chức độc lập về mặt pháp lý. Deloitte Touche Tohmatsu Limited (hay "Deloitte Toàn cầu") không cung cấp dịch vụ cho các khách hàng. Vui lòng xem tại website www.deloitte.com/about để biết thêm thông tin chi tiết về cơ cấu pháp lý của Deloitte Touche Tohmatsu Limited và các hãng thành viên.

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN

43 Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016

MẪU SỐ B 01a-DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2016	31/12/2015
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		6.543.033.085.844	7.449.107.457.914
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	4.606.999.745.535	5.188.813.158.588
1. Tiền	111		79.999.745.535	114.813.158.588
2. Các khoản tương đương tiền	112		4.527.000.000.000	5.074.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	35.000.000.000	70.000.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		35.000.000.000	70.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		937.481.384.416	940.005.670.190
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	409.862.935.719	236.190.426.179
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	502.234.645.712	596.396.818.230
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	9	261.809.450.841	328.336.175.448
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(236.465.152.750)	(220.917.749.667)
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		39.504.894	-
IV. Hàng tồn kho	140	11	822.975.028.482	1.129.364.660.553
1. Hàng tồn kho	141		824.299.260.731	1.129.364.660.553
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.324.232.249)	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		140.576.927.411	120.923.968.583
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	12	20.811.881.370	14.488.196.547
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		116.612.227.267	102.303.948.945
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	20	3.152.818.774	4.131.823.091
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		3.423.579.807.061	3.023.114.369.845
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		965.000.000	50.000.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	9	965.000.000	50.000.000
II. Tài sản cố định	220		1.873.564.686.460	1.580.783.127.735
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	1.082.389.800.573	785.370.731.888
- Nguyên giá	222		7.432.055.466.529	7.024.596.782.981
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(6.349.665.665.956)	(6.239.226.051.093)
2. Tài sản cố định vô hình	227	14	791.174.885.887	795.412.395.847
- Nguyên giá	228		1.040.908.136.104	1.040.848.236.104
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(249.733.250.217)	(245.435.840.257)
III. Bất động sản đầu tư	230	15	276.818.533.178	282.070.955.999
- Nguyên giá	231		334.556.867.544	334.556.867.544
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(57.738.334.366)	(52.485.911.545)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		705.489.065.198	609.740.263.873
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	16	705.489.065.198	609.740.263.873
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	6	421.362.405.561	483.415.929.714
1. Đầu tư vào công ty con	251		386.250.000.000	445.046.800.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		680.903.000.000	680.903.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		20.502.000.000	20.502.000.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(666.292.594.439)	(663.035.870.286)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		145.380.116.664	67.054.092.524
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12	10.327.617.171	9.614.110.172
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	17	78.734.366.450	57.439.982.352
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		56.318.133.043	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		9.966.612.892.905	10.472.221.827.759

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN

43 Mạc Định Chi, phường Đa Kao, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016

MẪU SỐ B 01a-DN

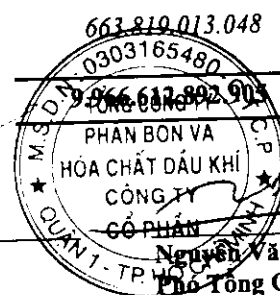
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2016	31/12/2015
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		1.407.557.331.872	2.104.051.363.140
I. Nợ ngắn hạn	310		1.136.506.497.545	1.723.468.789.795
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	18	443.122.894.126	344.290.211.658
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	19	97.567.476.475	45.384.202.871
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	20	117.701.626.392	68.664.734.736
4. Phải trả người lao động	314		55.182.241.994	99.565.238.768
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	21	153.294.094.443	53.486.372.501
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	22	43.698.454.340	989.800.703.449
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	23	132.445.241.203	-
7. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	24	48.214.293.886	39.680.210.527
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		45.280.174.686	82.597.115.285
II. Nợ dài hạn	330		271.050.834.327	380.582.573.345
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		1.846.682.884	2.182.443.406
2. Phải trả dài hạn khác	337	22	908.085.000	600.000.000
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	226.950.078.667
4. Dự phòng phải trả dài hạn	342	24	217.241.379.311	96.551.724.140
5. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		51.054.687.132	54.298.327.132
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		8.559.055.561.033	8.368.170.464.619
I. Vốn chủ sở hữu	410	25	8.559.055.561.033	8.368.170.464.619
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		3.914.000.000.000	3.800.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		3.914.000.000.000	3.800.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		21.179.913.858	21.179.913.858
3. Cổ phiếu quỹ	415		(2.296.824.120)	(2.296.824.120)
5. Quỹ đầu tư phát triển	418		3.444.814.857.841	3.444.814.857.841
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		1.181.357.613.454	1.104.472.517.040
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		517.538.600.406	806.260.241.770
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		663.819.013.048	298.212.275.270
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		9.966.612.892.905	10.472.221.827.759

Hoàng Thị Lan Anh
Người lập biểu

Võ Ngọc Phương
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Tông
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 10 tháng 8 năm 2016

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN43 Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

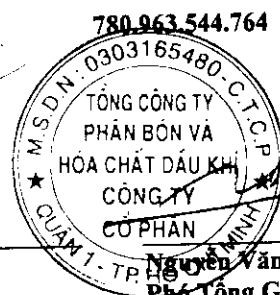
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

MẪU SỐ B 02a-DN(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/6/2016	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	28	3.915.083.151.250	4.282.530.682.830
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	28	58.343.938.026	46.940.001.334
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		3.856.739.213.224	4.235.590.681.496
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	29	2.517.701.199.612	2.908.619.281.674
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		1.339.038.013.612	1.326.971.399.822
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	31	154.644.199.985	164.935.358.054
7. Chi phí tài chính	22	32	6.149.797.733	179.584.367.624
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.733.006.920	-
8. Chi phí bán hàng	25	33	323.040.415.287	286.627.376.500
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	33	224.240.732.628	173.403.844.974
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		940.251.267.949	852.291.168.778
11. Thu nhập khác	31		4.121.510.934	2.235.559.362
12. Chi phí khác	32		1.965.448.342	262.493.008
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		2.156.062.592	1.973.066.354
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		942.407.330.541	854.264.235.132
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	34	182.738.169.875	129.619.568.150
16. (Thu nhập)/Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	17	(21.294.384.098)	12.996.409.882
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		780.963.544.764	711.648.257.100

Hoàng Thị Lan Anh
Người lập biểuVõ Ngọc Phương
Kế toán trưởngNguyễn Văn Tông
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 10 tháng 8 năm 2016

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

MẪU SỐ B 03a-DN(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/6/2016	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	942.407.330.541	854.264.235.132
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	119.989.447.644	115.445.236.656
Các khoản dự phòng	03	149.352.098.015	271.033.408.468
(Lãi)/Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(18.606.809)	33.095.831
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(152.840.962.743)	(163.791.426.556)
Chi phí lãi vay	06	1.733.006.920	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	1.060.622.313.568	1.076.984.549.531
Thay đổi các khoản phải thu	09	(141.944.152.685)	(194.053.404.741)
Thay đổi hàng tồn kho	10	248.747.266.779	222.461.341.563
Thay đổi các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	233.209.115.668	(264.987.776.250)
Thay đổi chi phí trả trước	12	(7.037.191.822)	7.052.255.110
Tiền lãi vay đã trả	14	(1.733.006.920)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(133.683.290.718)	(116.595.788.344)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	17.851.484.482	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(155.308.998.949)	(110.641.549.799)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	1.120.723.539.403	620.219.627.070
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(443.863.655.274)	(198.836.839.354)
2. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24	35.000.000.000	1.245.382.915
3. Tiền thu hồi đầu tư vốn vào đơn vị khác	26	63.530.094.000	4.606.214.100
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	157.232.271.073	160.666.348.901
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(188.101.290.201)	(32.318.893.438)

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

MẪU SỐ B 03a-DN(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU

Mã số	Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/6/2016	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015
-------	---------------------------------------	---------------------------------------

III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	114.000.000.000	-
2. Tiền thu từ đi vay	33	5.780.162.536	91.337.500.000
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(100.285.000.000)	-
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(1.533.949.431.600)	(569.739.284.625)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(1.514.454.269.064)	(478.401.784.625)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50	(581.832.019.862)	109.498.949.007
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5.188.813.158.588	4.757.994.590.292
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	18.606.809	(43.618.916)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70	4.606.999.745.535	4.867.449.920.383

Hoàng Thị Lan Anh
 Hoàng Thị Lan Anh
 Người lập biểu

Võ Ngọc Phương
 Võ Ngọc Phương
 Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Tông
 Nguyễn Văn Tông
 Phó Tổng Giám đốc

Ngày 10 tháng 8 năm 2016

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN

43 Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

MẪU SỐ B 09a-DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần (sau đây gọi tắt là "Tổng Công ty") tiền thân là Công ty Cổ phần Phân đạm và Hóa chất Dầu khí, được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103007696 ngày 31 tháng 8 năm 2007 và sửa đổi lần thứ 13 ngày 10 tháng 3 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp. Tổng Công ty chính thức chuyển sang hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2008 theo Nghị quyết số 01/NĐ-ĐHĐCĐ của Đại hội đồng Cổ đông, trong đó Công ty mẹ - Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần được hình thành từ bộ máy các phòng chức năng của Công ty Cổ phần Phân đạm và Hóa chất Dầu khí, các Ban quản lý dự án và Nhà máy Đạm Phú Mỹ. Cổ phiếu của Tổng Công ty được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 05 tháng 11 năm 2007 với mã chứng khoán là DPM.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, Công ty mẹ của Tổng Công ty là Tập đoàn Dầu khí Việt Nam nắm giữ 59,58% vốn điều lệ.

Tổng số nhân viên của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 là 1.222 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: 1.180 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty bao gồm:

- Sản xuất và kinh doanh phân đạm, amoniac lỏng, khí công nghiệp, các sản phẩm hóa chất khác;
- Cung cấp các dịch vụ kỹ thuật trong sản xuất, kinh doanh phân đạm và các sản phẩm hóa chất khác có liên quan (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh);
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan;
- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;
- Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô, đường thủy nội địa, chế biến các sản phẩm dầu khí và khoáng sản;
- Đào tạo nghề;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy; Bốc xếp hàng hóa cảng biển, sông;
- Dịch vụ đại lý tàu biển, đại lý vận tải đường biển và lưu giữ hàng hóa.

Hoạt động chính của Tổng Công ty là sản xuất và kinh doanh các loại phân bón sử dụng trong nông nghiệp.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tổng Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN

43 Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (Tiếp theo)**Cấu trúc doanh nghiệp**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, Tổng Công ty có 04 công ty con, 03 công ty liên kết, 01 chi nhánh, 01 Nhà máy, 01 Ban Quản lý và 01 Văn phòng đại diện. Cụ thể bao gồm:

- Nhà máy Đạm Phú Mỹ
- Chi nhánh Tổng Công ty tại Thành phố Hồ Chí Minh
- Ban Quản lý Dự án chuyên ngành Phân bón và Hóa chất Dầu khí
- Văn phòng đại diện tại Myanmar.

Thông tin khái quát về các công ty con và công ty liên kết của Tổng Công ty như sau:

	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Hoạt động chính	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Trung	Tỉnh Bình Định	75	75	Kinh doanh phân bón và hóa chất	Công ty con
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ	TP. Cần Thơ	75	75	Kinh doanh phân bón và hóa chất	Công ty con
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ	TP. Hồ Chí Minh	75	75	Kinh doanh phân bón và hóa chất	Công ty con
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Bắc	TP. Hà Nội	75	75	Kinh doanh phân bón và hóa chất	Công ty con
Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ	Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	43,34	43,34	Sản xuất bao bì	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí	TP. Cần Thơ	35,63	35,63	Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp và cung cấp dịch vụ	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Hóa dầu và Xơ sợi Dầu khí	TP. Hải Phòng	25,99	25,99	Sản xuất và mua bán xơ sợi polyester	Công ty liên kết

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ VÀ KỲ KẾ TOÁN**Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Tổng Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp báo cáo tài chính của các đơn vị hạch toán phụ thuộc và báo cáo tài chính của văn phòng Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần. Các nghiệp vụ và số dư chủ yếu giữa các đơn vị hạch toán phụ thuộc trong Tổng Công ty được loại trừ khi trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Tổng Công ty.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này được lập cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 21 tháng 3 năm 2016, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 53/2016/TT-BTC (“Thông tư 53”) sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Thông tư 53 có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2016. Tổng Công ty đã áp dụng Thông tư 53 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Tổng Công ty.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính**Ghi nhận ban đầu****Tài sản tài chính**

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư tài chính.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản vay và dự phòng phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính**Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Tổng Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**Các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tổng Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi (nếu có).

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là các công ty do Tổng Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tổng Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Tổng Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết theo giá gốc. Tổng Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Tổng Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”, Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC và các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tổng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DN****4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá xuất kho của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền, trừ giá xuất kho nguyên vật liệu được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có).

Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao cụ thể như sau:

	Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/6/2016
	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 25
Máy móc, thiết bị	3 - 6
Phương tiện vận tải và thiết bị truyền dẫn	6
Thiết bị văn phòng	3 - 5
Tài sản cố định hữu hình khác	3

Đối với những tài sản cố định tại Nhà máy Đạm Phú Mỹ mà việc sửa chữa có tính chu kỳ thì doanh nghiệp được trích trước chi phí sửa chữa theo dự toán vào chi phí hàng năm. Nếu số thực chi sửa chữa tài sản cố định lớn hơn số trích theo dự toán thì doanh nghiệp được tính thêm vào chi phí hợp lý số chênh lệch này. Nếu số thực chi sửa chữa tài sản cố định nhỏ hơn số đã trích thì phần chênh lệch được hạch toán giảm chi phí kinh doanh trong kỳ.

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình phản ánh giá trị quyền sử dụng đất, giá trị bản quyền sáng chế, phần mềm máy tính và tài sản cố định vô hình khác, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng, Tổng Công ty không trích khấu hao đối với quyền sử dụng đất vô thời hạn. Bản quyền sáng chế và tài sản cố định vô hình khác được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 6 năm. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

Thuê hoạt động

Các khoản thuê hoạt động của Tổng Công ty bao gồm thuê văn phòng và thuê đất. Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê tài sản.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà xưởng, vật kiến trúc do Tổng Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Bất động sản đầu tư chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ suy giảm giá trị. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác.

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà cửa, vật kiến trúc của Tòa nhà Đông Tây tại 27 Đinh Bộ Lĩnh, thành phố Hồ Chí Minh; Siêu thị và Cao ốc văn phòng Cửu Long tại tỉnh Cà Mau; Tòa nhà PVFCCo tại 43 Mạc Đĩnh Chi, thành phố Hồ Chí Minh do Tổng Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Bất động sản đầu tư cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính như sau:

	Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/6/2016
	Số năm
Quyền sử dụng đất	44 - 50
Nhà cửa, vật kiến trúc	25

Tổng Công ty không trích khấu hao cho bất động sản đầu tư là giá trị quyền sử dụng đất vô thời hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DN****4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Các khoản trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm chi phí bảo hiểm tài sản, tiền thuê đất và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác. Trong đó:

Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác, bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ xuất dùng, được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 1,5 đến 2 năm.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Tổng Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính.

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ được trích lập để tạo nguồn đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ của Tổng Công ty. Quỹ được hình thành trên nhu cầu phát triển và đổi mới công nghệ của Tổng Công ty và được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tổng Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu cho thuê bất động sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

Doanh thu hoạt động tài chính chủ yếu bao gồm lãi tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, có kỳ hạn, lãi nhận được từ các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn và lãi chênh lệch tỷ giá. Trong đó lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng; lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tổng Công ty có quyền nhận khoản lãi.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**Ngoại tệ**

Tổng Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

Theo hướng dẫn tại Công văn số 4360/DKVN-TCKT ngày 31 tháng 12 năm 2015 và Công văn số 3124/DKVN-TCKT ngày 13 tháng 5 năm 2015 của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, Tổng Công ty áp dụng tỷ giá mua vào do Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam công bố để chuyển đổi các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày 30 tháng 6 năm 2015. Tỷ giá nêu trên có sự khác biệt so với tỷ giá quy định tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp (“Thông tư 200”), tuy nhiên sự khác biệt này không gây ra ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Tổng Công ty.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của thuế phải trả hiện tại và thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Đối với hoạt động kinh doanh phân đạm sản xuất tại Nhà máy Đạm Phú Mỹ: Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 15% tính trên thu nhập chịu thuế.

Đối với các hoạt động kinh doanh khác: Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 20% tính trên thu nhập chịu thuế.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi tăng vào vốn chủ sở hữu.

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN43 Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DN****4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Thuế (Tiếp theo)**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định hạch toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/6/2016	31/12/2015
	VND	VND
Tiền mặt	1.136.089.702	1.101.032.562
Tiền gửi không kỳ hạn	78.863.655.833	113.712.126.026
Các khoản tương đương tiền (*)	4.527.000.000.000	5.074.000.000.000
	4.606.999.745.535	5.188.813.158.588

(*) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc từ 1 tháng đến 3 tháng tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 4,3%/năm đến 5,5%/năm.

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	30/6/2016		31/12/2015	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn	35.000.000.000	35.000.000.000	70.000.000.000	70.000.000.000

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc trên 3 tháng và kỳ hạn thu hồi còn lại dưới 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo tại các ngân hàng thương mại với lãi suất 5,5%/năm.

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN

43 Mạc Đình Chi, phường Đa Kao, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

MẪU SỐ B 09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

	30/6/2016			31/12/2015		
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư vào công ty con						
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Trung	386.250.000.000	-	513.625.000.000	445.046.800.000	-	514.525.000.000
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ	75.000.000.000	-	107.250.000.000	75.000.000.000	-	101.250.000.000
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ	127.500.000.000	-	146.625.000.000	127.500.000.000	-	131.325.000.000
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Bắc	93.750.000.000	-	133.750.000.000	93.750.000.000	-	171.250.000.000
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Bắc	90.000.000.000	-	126.000.000.000	90.000.000.000	-	110.700.000.000
Công ty Cổ phần Quản lý và Phát triển nhà Dầu khí Miền Nam	-	-	-	58.796.800.000	-	-
Đầu tư vào công ty liên kết						
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí	680.903.000.000	(662.700.000.000)	27.304.200.000	680.903.000.000	(662.700.000.000)	25.483.920.000
Công ty Cổ phần Hóa dầu và Xơ sợi Dầu khí	100.000.000.000	(100.000.000.000)	-	100.000.000.000	(100.000.000.000)	-
Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ	562.700.000.000	(562.700.000.000)	-	562.700.000.000	(562.700.000.000)	-
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Bắc	18.203.000.000	-	27.304.200.000	18.203.000.000	-	25.483.920.000
Đầu tư vào đơn vị khác						
Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin, Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí	20.502.000.000	(3.592.594.439)	-	20.502.000.000	(335.870.286)	-
Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản Út Xi	3.600.000.000	(335.870.286)	-	3.600.000.000	(335.870.286)	-
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Bắc	16.902.000.000	(3.256.724.153)	-	16.902.000.000	-	-

Trong kỳ, Tổng Công ty đã chuyển nhượng toàn bộ cổ phần tại Công ty Cổ phần Quản lý và phát triển nhà Dầu khí Miền Nam theo Nghị quyết số 15/NQ-PBHC ngày 13 tháng 01 năm 2016 của Hội đồng Quản trị với giá trị chuyển nhượng là 63.530.094.000 đồng.

Theo quy định tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 cần được trình bày. Tổng Công ty đã xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào các Công ty con và Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ trên cơ sở giá niêm yết của cổ phiếu trên sàn giao dịch chứng khoán và số lượng cổ phiếu mà Tổng Công ty đang nắm giữ.

Đối với các khoản đầu tư còn lại, các công ty này chưa thực hiện niêm yết cổ phiếu trên các thị trường chứng khoán, đồng thời Tổng Công ty cũng không thể thu thập được các thông tin đáng tin cậy để xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư, do đó, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 chưa thể xác định được để trình bày trên phần Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo quy định tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN

43 Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

MẪU SỐ B 09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

	Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/6/2016				Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015			
	Doanh thu		Chi phí		Doanh thu		Chi phí	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tình hình hoạt động của Công ty con trong kỳ								
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Trung	1.250.329.084.390	1.219.671.894.691	12.627.775.562		1.328.636.470.981	1.298.013.272.149	11.873.676.406	
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ	1.150.488.238.227	1.126.082.009.639	13.647.012.626		1.364.582.122.688	1.336.972.784.870	14.011.464.156	
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đồng Nam Bộ	1.204.135.151.164	1.185.088.113.252	11.606.104.237		1.333.806.307.603	1.310.267.395.941	11.268.065.445	
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Bắc	776.552.535.817	744.801.382.183	16.061.147.705		828.675.261.002	795.239.796.495	18.187.878.220	
Tình hình hoạt động của Công ty liên kết trong kỳ								
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí (1)	36.721.850.515	39.330.615.523	(3.590.961.877)		44.140.096.508	46.935.212.150	(3.267.742.539)	
Công ty Cổ phần Hóa dầu và Xơ sợi Dầu khí (2)	156.906.921.042	165.976.035.063	(271.575.169.079)		984.893.726.135	1.199.720.055.294	(642.885.601.938)	
Công ty Cổ phần Bao bì Dạm Phú Mỹ	122.673.509.633	115.318.311.909	4.730.612.581		149.638.109.592	142.770.312.104	5.304.545.090	

(1) Theo số liệu Báo cáo tài chính chưa được kiểm toán cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí (PVC-Mekong), tài sản thuần của PVC-Mekong là khoảng 3,3 tỷ đồng, thấp hơn số vốn góp của các cổ đông là hơn 284 tỷ đồng. Do đó, Tổng Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính cho toàn bộ số vốn đầu tư tại PVC-Mekong với tổng mức trích lập là 100 tỷ đồng.

(2) Theo số liệu Báo cáo tài chính riêng chưa được kiểm toán cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Công ty Cổ phần Hóa dầu và Xơ sợi Dầu khí (PVTTEX), tài sản thuần của PVTTEX là khoảng 799 tỷ đồng, thấp hơn số vốn góp của các cổ đông là hơn 2.964 tỷ đồng. Do đó, Tổng Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính cho toàn bộ số vốn đầu tư tại PVTTEX với tổng mức trích lập là hơn 562 tỷ đồng.

	Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/6/2016				Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015			
	Doanh thu		Chi phí		Doanh thu		Chi phí	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tình hình hoạt động của Công ty con trong kỳ								
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Trung	3.686.270.722.424	134.383.824.502	42.764.040.000		4.092.385.120.398	100.963.806.232	38.365.308.000	
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ								
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đồng Nam Bộ								
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Bắc								
Tình hình hoạt động của Công ty liên kết trong kỳ								
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí (1)								
Công ty Cổ phần Hóa dầu và Xơ sợi Dầu khí (2)								
Công ty Cổ phần Bao bì Dạm Phú Mỹ								

Các giao dịch trọng yếu giữa Tổng Công ty và công ty con, công ty liên kết trong kỳ (xem chi tiết tại Thuyết minh số 38)

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN43 Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DN****7. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	<u>30/6/2016</u>	<u>31/12/2015</u>
	VND	VND
Công ty Cổ phần F.A	7.859.063.870	4.789.702.071
Liven Agrichem Pte. Ltd	-	6.246.660.000
Phải thu khách hàng là các bên liên quan (chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 38)	386.713.854.846	221.597.415.685
Các khách hàng khác	15.212.005.353	3.556.648.423
	409.784.924.069	236.190.426.179

8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	<u>30/6/2016</u>	<u>31/12/2015</u>
	VND	VND
Technip Italy S.p.A	101.560.245.434	180.551.547.337
Thyssenkrupp Industrial Solution (India) Private Limited	88.239.754.946	93.223.527.025
Trả trước cho người bán là các bên liên quan (chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 38)	276.136.941.292	302.021.476.568
Các nhà cung cấp khác	36.250.514.040	20.600.267.300
	502.187.455.712	596.396.818.230

9. PHẢI THU KHÁC

	<u>30/6/2016</u>	<u>31/12/2015</u>
	VND	VND
Phải thu ngắn hạn khác		
Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Công đoàn Dầu khí Việt Nam (PVFI)	110.143.267.289	110.143.267.289
Công ty Cổ phần Hóa dầu và Xơ sợi Dầu khí (i)	108.213.621.735	101.620.682.378
Trích trước lãi tiền gửi có kỳ hạn	17.365.537.637	21.756.845.967
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí Miền Bắc (ii)	12.792.091.037	12.792.091.037
Tạm ứng cho người lao động	4.779.805.160	1.852.778.259
Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	34.000.000	15.000.000
Thuế GTGT được hoàn của Nhà máy Đạm Phú Mỹ	-	17.851.484.482
Phải thu chiết khấu mua hàng từ nhà cung cấp	-	51.589.780.848
Khác	8.481.127.983	10.714.245.188
	261.809.450.841	328.336.175.448
Phải thu dài hạn khác		
Ký cược, ký quỹ dài hạn	965.000.000	50.000.000
	965.000.000	50.000.000

9. PHẢI THU KHÁC (Tiếp theo)

- (i) Số dư phải thu Công ty Cổ phần Hóa dầu và Xơ sợi Dầu khí ("PVTEX") tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 thể hiện khoản thanh toán theo cam kết bảo lãnh đối ứng cho các khoản vay vốn ngắn và trung hạn của PVTEX. Nghĩa vụ thanh toán phát sinh do Tổng Công ty đã ký 02 Cam kết bảo lãnh đối ứng với Tập đoàn liên quan đến nghĩa vụ bảo lãnh của Tập đoàn cho các khoản vay vốn ngắn và trung hạn của PVTEX. Trong năm 2014, Tập đoàn đã thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh, trả thay cho PVTEX một phần khoản vay trung hạn đầu tư xây dựng nhà máy và khoản vay ngắn hạn để vận hành chạy thử cùng với lãi vay với số tiền tổng cộng là 389,4 tỷ đồng, theo đó, Tổng Công ty đã hoàn trả cho Tập đoàn số tiền tương ứng tỷ lệ vốn góp của Tổng Công ty vào PVTEX là 101,2 tỷ đồng. Trong kỳ, Tổng Công ty đã thực hiện hoàn trả cho Tập đoàn hơn 6,5 tỷ đồng liên quan đến nghĩa vụ bảo lãnh đối ứng cho chi phí lãi vay Tập đoàn đã trả thay PVTEX.

Theo các Biên bản thỏa thuận giữa PVN, PVTEX và Tổng Công ty, PVN sẽ chịu trách nhiệm thu hồi nợ gốc và lãi vay đối với các khoản bảo lãnh mà các bên đã trả thay PVTEX. Trong vòng 07 ngày kể từ ngày PVN thu được khoản tiền trả nợ từ PVTEX (bao gồm cả số tiền gốc thanh toán và lãi vay), PVN sẽ hoàn trả cho Tổng Công ty số tiền tính theo tỷ lệ góp vốn của Tổng Công ty tại PVTEX. Lãi suất nhận nợ được xác định bằng lãi suất không kỳ hạn do Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam công bố, thời gian tính lãi bắt đầu từ ngày Tổng Công ty trả tiền thực hiện bảo lãnh đối ứng cho PVN.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, theo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc, khả năng thu hồi khoản phải thu này là rất thấp do (lỗ) lũy kế của PVTEX đã vượt quá vốn chủ sở hữu, và PVTEX không có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn. Vì vậy, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty quyết định lập dự phòng toàn bộ đối với khoản phải thu này.

- (ii) Số dư phải thu Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Bắc ("PVGN") tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 phản ánh khoản tiền bảo hiểm thiệt hại công trình Tổng kho sản phẩm dầu khí Đà Nẵng, số tiền bảo hiểm thiệt hại đã được cơ quan bảo hiểm đền bù nhưng PVGN chưa chuyển trả cho Tổng Công ty.

10. NỢ XẤU

	30/6/2016		31/12/2015	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Phải thu khó có khả năng thu hồi	240.302.780.061	3.837.627.311	220.917.749.667	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính	110.143.267.289	-	110.143.267.289	-
Công đoàn Dầu khí Việt Nam (i)				
Doanh nghiệp Tư nhân Ngọc Lan (ii)	9.153.800.000	-	9.153.800.000	-
Công ty Cổ phần Hóa dầu và Xơ sợi	108.213.621.735	-	101.620.682.378	-
Dầu khí (iii)				
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí	12.792.091.037	3.837.627.311		
Miền Bắc				

- (i) Tổng Công ty đã lập dự phòng toàn bộ cho khoản phải thu Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Công đoàn Dầu khí Việt Nam trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.
- (ii) Tổng Công ty đã lập dự phòng toàn bộ cho khoản phải thu Doanh nghiệp Tư nhân Ngọc Lan trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.
- (iii) Tổng Công ty đã lập dự phòng toàn bộ cho số dư phải thu Công ty Cổ phần Hóa dầu và Xơ sợi Dầu khí ("PVTEX") liên quan đến khoản cam kết bảo lãnh đối ứng cho các khoản vay vốn trung và dài hạn như trình bày tại Thuyết minh số 9.

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN43 Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DN****11. HÀNG TỒN KHO**

	30/6/2016		31/12/2015	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	272.605.246.373	-	79.999.169.183	-
Nguyên liệu, vật liệu	283.999.649.472	-	334.315.883.128	-
Công cụ, dụng cụ	5.916.587.097	-	9.473.224.785	-
Thiết bị vật tư phụ tùng thay thế dài hạn	56.318.133.043	-	-	-
Chi phí sản xuất, kinh	12.008.600.851	-	28.545.263.443	-
Thành phẩm	44.930.549.391	-	155.670.863.168	-
Hàng hoá	204.838.627.547	(1.324.232.249)	521.360.256.846	-
Cộng	880.617.393.774	(1.324.232.249)	1.129.364.660.553	-

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	30/6/2016	31/12/2015
	VND	VND
Ngắn hạn		
Chi phí bảo hiểm tài sản	10.313.857.061	10.124.705.794
Công cụ dụng cụ phân bổ	2.204.905.608	871.896.526
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	8.293.118.701	3.491.594.227
	20.811.881.370	14.488.196.547
Dài hạn		
Trả trước tiền thuê đất	3.090.038.325	3.370.950.902
Công cụ dụng cụ phân bổ	5.059.247.518	3.757.699.448
Chi phí trả trước dài hạn khác	2.178.331.328	2.485.459.822
	10.327.617.171	9.614.110.172

13. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải và thiết bị truyền dẫn	Thiết bị văn phòng	Khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ						
Tại ngày 01/01/2016	1.426.724.534.990	5.388.456.338.958	53.143.055.030	147.995.951.498	8.276.902.505	7.024.596.782.981
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	391.370.325.753	-	-	-	-	391.370.325.753
Mua sắm mới	-	13.498.680.291	-	2.589.677.504	-	16.088.357.795
Tại ngày 30/6/2016	1.818.094.860.743	5.401.955.019.249	53.143.055.030	150.585.629.002	8.276.902.505	7.432.055.466.529
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Tại ngày 01/01/2016	836.155.212.766	5.263.824.516.547	46.340.848.529	87.650.060.195	5.255.413.056	6.239.226.051.093
Trích khấu hao trong kỳ	40.328.954.256	53.976.980.136	1.360.056.925	13.847.666.708	925.956.838	110.439.614.863
Tại ngày 30/6/2016	876.484.167.022	5.317.801.496.683	47.700.905.454	101.497.726.903	6.181.369.894	6.349.665.665.956
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 30/6/2016	941.610.693.721	84.153.522.566	5.442.149.576	49.087.902.099	2.095.532.611	1.082.389.800.573
Tại ngày 31/12/2015	590.569.322.224	124.631.822.411	6.802.206.501	60.345.891.303	3.021.489.449	785.370.731.888

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 là 5.390.210.066.990 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: 5.378.778.307.722 đồng).

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN43 Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DN****13. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH (Tiếp theo)**

Như trình bày tại Thuyết minh số 24, toàn bộ tài sản hình thành từ Dự án Xưởng sản xuất UFC 85/Formaldehyde với giá trị khoảng 391 tỷ đồng được sử dụng làm tài sản đảm bảo cho khoản vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh.

14. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Bản quyền, bằng sáng chế</u>	<u>Phần mềm máy tính</u>	<u>Tài sản cố định vô hình khác</u>	<u>Tổng cộng</u>
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2016	803.964.779.348	173.714.520.045	53.230.618.679	9.938.318.032	1.040.848.236.104
Tăng trong kỳ	-	59.900.000	-	-	59.900.000
Tại ngày 30/6/2016	803.964.779.348	173.774.420.045	53.230.618.679	9.938.318.032	1.040.908.136.104
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2016	18.722.077.427	171.631.556.421	45.143.888.377	9.938.318.032	245.435.840.257
Trích khấu hao trong kỳ	2.140.025.717	198.140.914	1.959.243.329	-	4.297.409.960
Tại ngày 30/6/2016	20.862.103.144	171.829.697.335	47.103.131.706	9.938.318.032	249.733.250.217
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 30/6/2016	783.102.676.204	1.944.722.710	6.127.486.973	-	791.174.885.887
Tại ngày 31/12/2015	785.242.701.921	2.082.963.624	8.086.730.302	-	795.412.395.847

Nguyên giá tài sản cố định vô hình hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 là 213.083.468.574 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: 178.361.196.555 đồng).

15. TĂNG, GIẢM BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Tổng cộng</u>
	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2016	99.499.152.000	235.057.715.544	334.556.867.544
Tại ngày 30/6/2016	99.499.152.000	235.057.715.544	334.556.867.544
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2016	5.635.611.213	46.850.300.332	52.485.911.545
Trích khấu hao trong kỳ	500.093.752	4.752.329.069	5.252.422.821
Tại ngày 30/6/2016	6.135.704.965	51.602.629.401	57.738.334.366
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 30/6/2016	93.363.447.035	183.455.086.143	276.818.533.178
Tại ngày 31/12/2015	93.863.540.787	188.207.415.212	282.070.955.999

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà cửa, vật kiến trúc của Tòa nhà Đông Tây tại 27 Đinh Bộ Lĩnh, Thành phố Hồ Chí Minh; Siêu thị và Cao ốc văn phòng Cửu Long tại tỉnh Cà Mau; Tòa nhà PVFCCo tại 43 Mạc Đĩnh Chi, Thành phố Hồ Chí Minh do Tổng Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê.

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN

43 Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DN****15. TĂNG, GIẢM BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ (Tiếp theo)**

Theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 05 - *Bất động sản đầu tư*, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cần được trình bày. Tuy nhiên, Tổng Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý này nên giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 chưa được trình bày trên Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

16. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	<u>30/6/2016</u>	<u>31/12/2015</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	705.489.065.198	609.740.263.873
Trong đó:		
Dự án UFC 85/Formaldehyde (*)	-	348.243.750.831
Dự án nâng công suất phân xưởng NH ₃ Nhà máy Đạm Phú Mỹ và xây dựng nhà máy sản xuất NPK	585.583.845.829	108.329.487.319
Dự án Amoniac	-	46.248.899.367
Dự án nhà Cán bộ công nhân viên	36.342.070.618	36.342.070.618
Kho Tây Ninh	24.001.000.364	24.001.000.364
Các dự án khác	59.562.148.387	46.575.055.374
	<u>705.489.065.198</u>	<u>609.740.263.873</u>

(*) Dự án UFC 85/Formaldehyde đã hoàn thành và chính thức đi vào hoạt động theo Biên bản nghiệm thu hoàn thành và bàn giao để đưa vào sử dụng ngày 11 tháng 5 năm 2016.

17. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOÀN LẠI

Dưới đây là tài sản thuế thu nhập hoãn lại do Tổng Công ty ghi nhận và sự thay đổi của các khoản mục này trong kỳ hoạt động và năm tài chính trước:

	<u>Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi</u>	<u>Chi phí trích trước chưa có hóa đơn</u>	<u>Khác</u>	<u>Tổng cộng</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tại ngày 01/01/2015	7.269.455.641	41.125.422.254	5.426.555.666	53.821.433.561
Ghi nhận trong năm	15.087.094.482	(12.715.279.460)	1.246.733.769	3.618.548.791
Tại ngày 01/01/2016	<u>22.356.550.123</u>	<u>28.410.142.794</u>	<u>6.673.289.435</u>	<u>57.439.982.352</u>
Ghi nhận trong kỳ	(2.032.413.647)	30.000.087.180	(6.673.289.435)	21.294.384.098
Tại ngày 30/6/2016	<u>20.324.136.476</u>	<u>58.410.229.974</u>	<u>-</u>	<u>78.734.366.450</u>

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN

43 Mạc Đình Chi, phường Đa Kao, quận 1

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DN****18. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	30/6/2016		31/12/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Uralkali Trading S.A	180.916.862.500	180.916.862.500	-	-
Phải trả người bán là các bên liên quan (chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 38)	191.213.123.938	191.213.123.938	235.999.071.866	235.999.071.866
Các nhà cung cấp khác	78.718.867.688	78.718.867.688	108.291.139.792	108.291.139.792
	450.848.854.126	450.848.854.126	344.290.211.658	344.290.211.658

19. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	30/6/2016	31/12/2015
	VND	VND
Uralkali Trading S.A	2.485.362.245	2.036.402.485
Người mua là các bên liên quan (chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 38)	86.308.467.558	42.317.312.072
Các khách hàng khác	8.773.646.672	1.030.488.314
	97.567.476.475	45.384.202.871

20. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Tình hình thu/nộp Ngân sách Nhà nước trong kỳ như sau:

Chi tiêu	Lũy kế từ đầu kỳ đến cuối kỳ			30/6/2016
	01/01/2016	Phát sinh tăng	Phát sinh giảm	
	VND	VND	VND	VND
Thuế và các khoản phải thu				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.152.818.774	-	-	3.152.818.774
Thuế thu nhập cá nhân	979.004.317	-	979.004.317	-
Cộng	4.131.823.091	-	979.004.317	3.152.818.774
Chi tiêu	Lũy kế từ đầu kỳ đến cuối kỳ			30/6/2016
	01/01/2016	Số phải nộp	Số đã nộp	
	VND	VND	VND	VND
Thuế và các khoản phải nộp				
Thuế GTGT hàng bán nội địa	851.506.910	8.359.344.841	8.969.126.419	241.725.332
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	588.851.825	588.851.825	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	13.292.993.522	13.292.993.522	-
Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	-	-	-
Thuế nhập khẩu	-	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	65.108.176.133	182.738.169.875	133.683.290.718	114.163.055.290
Thuế thu nhập cá nhân	2.668.674.413	44.081.278.190	43.486.125.153	3.263.827.450
Thuế tài nguyên	29.441.280	190.633.920	188.282.880	31.792.320
Thuế bảo vệ môi trường	6.936.000	18.244.000	23.954.000	1.226.000
Thuế nhà đất	-	921.877.900	921.877.900	-
Thuế môn bài	-	8.000.000	8.000.000	-
Thuế nhà thầu nước ngoài	-	6.345.779.877	6.345.779.877	-
Các loại thuế khác	-	773.726.000	773.726.000	-
Cộng	68.664.734.736	257.318.899.950	208.282.008.294	117.701.626.392

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN

43 Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DN****21. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	30/6/2016	31/12/2015
	VND	VND
Chi phí an sinh xã hội (i)	34.950.051.571	18.624.552.700
Phải trả về xây dựng cơ bản	34.811.041.809	-
Chi phí phải trả khác	83.533.001.063	34.861.819.801
	153.294.094.443	53.486.372.501

- (i) Chi phí an sinh xã hội trong kỳ được trích theo Nghị quyết số 85/QĐ-PBHC ngày 25 tháng 2 năm 2016 về việc “Giao nhiệm vụ, kế hoạch năm 2016 Ban tiếp thị và Truyền thông. Theo đó, Chi phí an sinh xã hội được trích thêm trong 6 tháng đầu năm 2016 là 40 tỷ đồng. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, số dư an sinh xã hội phải trả cho các đối tượng được nhận hỗ trợ là 34.950.051.571

22. PHẢI TRẢ KHÁC

	30/6/2016	31/12/2015
	VND	VND
Phải trả ngắn hạn khác		
Cổ tức phải trả	28.083.855.189	975.031.896.789
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	3.156.363.465	3.233.141.465
Phải trả ngắn hạn khác	12.458.235.686	11.535.665.195
	43.698.454.340	989.800.703.449
Phải trả dài hạn khác		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	908.085.000	600.000.000
	908.085.000	600.000.000

23. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

Chi tiêu	31/12/2015		Phát sinh trong kỳ		30/6/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nợ dài hạn đến hạn trả	-	-	232,730,241,203	100,285,000,000	132,445,241,203	132,445,241,203
Cộng	-	-	232,730,241,203	100,285,000,000	132,445,241,203	132,445,241,203

Khoản vay dài hạn theo Hợp đồng cho vay số 03/2015/HĐDA-PVB-CNHCM.QLDT ngày 26 tháng 01 năm 2015 giữa Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh và Tổng Công ty với hạn mức vay là 347.574.411.133 đồng nhằm mục đích bổ sung vốn đầu tư vào dự án Xây dựng công trình xưởng sản xuất UFC85/Formaldehyde do Tổng Công ty làm chủ đầu tư. Thời hạn vay tối đa là 120 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất cho vay được xác định bằng lãi suất tham chiếu cộng lãi suất biên (2,5%/năm). Lãi vay được trả 06 tháng/lần tính trên dư nợ thực tế vào ngày 26 hàng tháng.

Tổng Công ty đã thế chấp toàn bộ tài sản hình thành từ Dự án xây dựng Xưởng sản xuất UFC 85/Formaldehyde tại Khu Công nghiệp Phú Mỹ I thuộc tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu để đảm bảo cho khoản vay ngân hàng nêu trên.

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN

43 Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DN****24. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ**

	<u>30/6/2016</u>	<u>31/12/2015</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Ngắn hạn		
Trích trước chi phí bảo dưỡng gas turbine năm 2016	48.214.293.886	39.680.210.527
	<u>48.214.293.886</u>	<u>39.680.210.527</u>
Dài hạn		
Trích trước chi phí sửa chữa bảo dưỡng năm 2017 cho Nhà máy Đạm Phú Mỹ	217.241.379.311	96.551.724.140
	<u>217.241.379.311</u>	<u>96.551.724.140</u>

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN

43 Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
 Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

25. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn góp		Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư		Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Cho kỳ hoạt động kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015									
Số dư tại ngày 01/01/2015	3.800.000.000.000		21.179.913.858	(2.296.824.120)	(719.794)	3.444.814.857.841		1.430.710.509.070	8.694.407.736.855
Lợi nhuận trong kỳ	-		-	-	-	-		711.648.257.100	711.648.257.100
Trích Quỹ Khen thưởng phúc lợi	-		-	-	-	-		(127.028.089.283)	(127.028.089.283)
Trả cổ tức	-		-	-	-	-		(569.901.390.000)	(569.901.390.000)
Số dư tại ngày 30/6/2015	3.800.000.000.000		21.179.913.858	(2.296.824.120)	(719.794)	3.444.814.857.841		1.445.429.286.887	8.709.126.514.672

Cho kỳ hoạt động kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

Số dư tại ngày 01/01/2016	3.800.000.000.000		21.179.913.858	(2.296.824.120)	-	3.444.814.857.841		1.104.472.517.040	8.368.170.464.619
Lợi nhuận trong năm	-		-	-	-	-		780.963.544.764	780.963.544.764
Phát hành cổ phiếu trong năm	114.000.000.000		-	-	-	-		-	114.000.000.000
Trích Quỹ Khen thưởng phúc lợi (1)	-		-	-	-	-		(117.077.058.350)	(117.077.058.350)
Chia cổ tức (2)	-		-	-	-	-		(587.001.390.000)	(587.001.390.000)
Số dư tại ngày 30/6/2016	3.914.000.000.000		21.179.913.858	(2.296.824.120)	-	3.444.814.857.841		1.181.357.613.454	8.559.055.561.033

(1) Tổng Công ty đã thực hiện trích 117.144.531.715 đồng Quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận 6 tháng đầu năm 2016 theo Nghị quyết số 28/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28 tháng 4 năm 2016 với tỷ lệ trích là 15% lợi nhuận sau thuế, đồng thời điểm chỉnh giảm 67.473.365 đồng Quỹ khen thưởng, phúc lợi trích thừa trong năm 2015.

(2) Trong 6 tháng đầu năm 2016, Tổng Công ty đã công bố chi trả cổ tức còn lại từ lợi nhuận sau thuế năm 2015 là 587.001.390.000 đồng (1.500 đồng/cổ phần) theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 28/NQ-ĐHĐCĐ thông qua ngày 28 tháng 4 năm 2016.

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN

43 Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DN****25. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)**

	<u>30/6/2016</u>	<u>31/12/2015</u>
Cổ phiếu		
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
+) <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	391.400.000	380.000.000
+) <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu quỹ		
+) <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	65.740	65.740
+) <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
+) <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	391.334.260	379.934.260
+) <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103007696 ngày 31 tháng 8 năm 2007 và sửa đổi ngày 10 tháng 3 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp, vốn điều lệ của Tổng Công ty là 3.914.000.000.000 đồng. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

Cổ đông	Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi		Vốn đã góp tại ngày 30/6/2016	Vốn đã góp tại ngày 31/12/2015
	VND	%	VND	VND
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	2.332.042.530.000	59,58	2.332.042.530.000	2.332.042.530.000
Các cổ đông khác	1.581.957.470.000	40,42	1.581.957.470.000	1.467.957.470.000
	3.914.000.000.000	100%	3.914.000.000.000	3.800.000.000.000

26. CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	<u>Đơn vị</u>	<u>30/6/2016</u>	<u>31/12/2015</u>
Ngoại tệ các loại			
Đô la Mỹ	USD	215.423	2.141.450
EURO	EUR	32.565	32.574

27. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Hoạt động chính của Tổng Công ty là sản xuất và kinh doanh các loại phân bón sử dụng trong nông nghiệp. Theo đó, thông tin tài chính trình bày trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 và toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 đều liên quan đến hoạt động sản xuất và kinh doanh phân bón. Doanh thu, giá vốn theo từng mặt hàng và hoạt động sản xuất kinh doanh được trình bày tại Thuyết minh số 28 và số 29.

Tổng Công ty thực hiện phân phối các sản phẩm phân bón, hóa chất, bao bì và cung cấp dịch vụ khắp cả nước thông qua các Công ty con tại từng khu vực bao gồm Miền Bắc, Miền Trung - Tây Nguyên, Đông Nam Bộ, Tây Nam Bộ và Thành phố Hồ Chí Minh. Trong kỳ, toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty trong kỳ được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam.

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN43 Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DN****28. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/6/2016	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015
	VND	VND
Doanh thu kinh doanh Ure	2.740.088.044.940	3.025.990.406.625
Doanh thu kinh doanh Amoniac	127.020.867.037	107.786.141.356
Doanh thu điện	838.452.184	709.596.932
Doanh thu khác	1.047.135.787.089	1.148.044.537.917
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	3.915.083.151.250	4.282.530.682.830
Các khoản giảm trừ doanh thu		
Chiết khấu thương mại	58.343.938.026	46.940.001.334
	58.343.938.026	46.940.001.334
Doanh thu phát sinh trong kỳ với các bên liên quan (chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 38)	3.691.094.669.676	4.092.385.120.398

29. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/6/2016	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015
	VND	VND
Giá vốn kinh doanh Ure	1.472.461.587.241	1.754.569.260.948
Giá vốn kinh doanh Amoniac	50.828.797.736	60.046.807.816
Giá vốn kinh doanh điện	905.698.201	1.180.235.787
Giá vốn khác	993.505.116.434	1.092.822.977.123
	2.517.701.199.612	2.908.619.281.674

30. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/6/2016	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	991.307.606.885	1.201.259.291.519
Chi phí nhân công	187.119.187.615	159.488.250.347
Chi phí khấu hao tài sản cố định	118.628.509.922	105.524.652.353
Chi phí dịch vụ mua ngoài	396.877.194.052	385.178.410.582
Chi phí khác	243.004.188.020	169.608.716.137
	1.936.936.686.494	2.021.059.320.938

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN

43 Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DN****31. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/6/2016	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015
	VND	VND
Lãi tiền gửi	105.343.628.743	124.026.904.456
Cổ tức, lợi nhuận được chia	42.764.040.000	38.365.308.000
Lãi chênh lệch tỷ giá	374.156.666	1.143.931.498
Lợi nhuận chuyển nhượng cổ phiếu Công ty Cổ phần Quản lý và Phát triển nhà Dầu khí Miền Nam	4.733.294.000	-
Khác	1.429.080.576	1.399.214.100
	154.644.199.985	164.935.358.054

32. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/6/2016	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015
	VND	VND
Dự phòng giảm giá khoản đầu tư dài hạn	3.256.724.153	178.774.569.070
Lỗ chênh lệch tỷ giá	1.160.066.660	809.575.318
Chi phí lãi vay	1.733.006.920	-
Khác	-	223.236
	6.149.797.733	179.584.367.624

33. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/6/2016	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015
	VND	VND
Chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ		
Chi phí nhân viên bán hàng	17.197.000.185	16.392.864.167
Chi phí vận chuyển, bốc xếp lưu kho	154.496.683.954	156.951.672.894
Chi phí an sinh xã hội	40.000.000.000	46.794.404.500
Chi phí quảng cáo, truyền thông	82.200.595.465	38.307.159.162
Các khoản chi phí bán hàng khác	29.146.135.683	28.181.275.777
	323.040.415.287	286.627.376.500
Chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ		
Chi phí nhân viên quản lý	48.760.569.609	45.433.439.016
Phí quản lý nộp Tập đoàn	15.218.924.595	15.604.057.564
Chi phí khấu hao tài sản cố định	44.358.057.342	42.259.475.405
Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	15.547.403.083	(2.294.640.000)
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	100.355.777.999	72.401.512.989
	224.240.732.628	173.403.844.974

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN

43 Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DN****34. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/6/2016	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	182.738.169.875	129.619.568.150
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ trước bổ sung	-	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	182.738.169.875	129.619.568.150

Đối với hoạt động sản xuất và kinh doanh phân đạm: Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 15% tính trên thu nhập chịu thuế.

Đối với các hoạt động kinh doanh khác: Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 20% tính trên thu nhập chịu thuế.

35. CÁC KHOẢN CAM KẾT**Cam kết thuê hoạt động**

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, lịch thanh toán các khoản cam kết thuê hoạt động như sau:

	30/6/2016	31/12/2015
	VND	VND
Trong vòng một năm	14.984.738.374	15.021.241.138
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	59.374.043.437	60.084.964.554
Sau năm năm	403.662.161.064	416.839.441.591
	478.020.942.875	491.945.647.283

Từ ngày 03 tháng 9 năm 2005, Tổng Công ty đã tiếp nhận Hợp đồng thuê lại đất số 178/HĐ/TLĐ/UDEC.2001 ngày 01 tháng 6 năm 2001 được ký giữa Ban Quản lý Dự án Nhà máy Đạm Phú Mỹ với Công ty Xây dựng và Phát triển Đô thị tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cho việc thuê dài hạn đất và cơ sở hạ tầng tại Khu Công nghiệp Phú Mỹ I, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Hợp đồng thuê có thời hạn 17 năm kể từ ngày 03 tháng 9 năm 2004. Theo Phụ lục hợp đồng số 135/PLHĐ/IZICO ký ngày 07 tháng 11 năm 2013 thì từ năm 2014 trở đi, Tổng Công ty phải trả tiền thuê đất thô và phí sử dụng hạ tầng bằng VND vào ngày 15 tháng 02 hàng năm của năm thuê đất đó với số tiền mỗi năm phải trả là 666.524 USD.

Ngày 07 tháng 06 năm 2012, Công ty ký với Công ty đầu tư và khai thác hạ tầng KCN Đông Xuyên, Phú Mỹ I hợp đồng nguyên tắc số 01/HĐNT/IZICO-PVFCCo, theo đó hợp đồng thuê đất được 2 bên gia hạn tới năm 2048 với mục đích "Kéo dài thời gian hoạt động của Dự án nhà máy đạm và xây dựng các dự án phụ trợ theo công văn số 249/BQLĐT ngày 30-4-2012 của Ban quản lý các khu Công nghiệp Bà Rịa - Vũng Tàu và văn bản giải trình số 470/PBHC-PC ngày 15-05-2012 của Tổng công ty Phân bón và hóa chất dầu khí.

Cam kết vốn

Theo Quyết định số 115/QĐ-PHBC ngày 08 tháng 4 năm 2014, Hội đồng Quản trị Tổng Công ty đã phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng nâng công suất phản xường NH₃ của Nhà máy Đạm Phú Mỹ và xây dựng nhà máy sản xuất phân NPK công nghệ hóa học, cung cấp và đáp ứng nhu cầu tiêu thụ NH₃ và phân NPK trong nước với tổng mức đầu tư là 4.987.200.000.000 đồng, dự kiến thời gian hoàn thành của dự án là Quý 2 năm 2017. Đến ngày 30 tháng 6 năm 2016, giá trị đã thực hiện đầu tư của dự án là 585.583.845.829 đồng.

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN

43 Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DN****35. CÁC KHOẢN CAM KẾT (Tiếp theo)****Cam kết khác**

Theo Phụ lục sửa đổi bổ sung số 04 của Hợp đồng mua bán khí số 82/2010/PVGas-KTTT/TM-PVFCCo/B1 ngày 07 tháng 5 năm 2010 với Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016, giá khí được tính theo công thức tính giá khí được giao nhận tại điểm giao nhận khí như sau: Giá khí không bao gồm VAT (USD/MMBTU) = 46%*Giá dầu trung bình MFOC + cước phí bể Cừu Long áp dụng cho nhà máy Đạm Phú Mỹ, với mức cước phí áp dụng cho năm 2016 là 0,94 USD/mmBTU.

36. CÔNG NỢ TIỀM TÀNG

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, Tổng Công ty có các khoản cam kết bảo lãnh đối ứng với Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (“Tập đoàn”) liên quan đến nghĩa vụ bảo lãnh của Tập đoàn cho các khoản vay vốn ngắn và trung hạn của Công ty Cổ phần Hóa dầu và Xơ sợi Dầu khí (“PVTEX”) - Công ty liên kết của Công ty, theo đó Tổng Công ty cam kết hoàn trả cho Tập đoàn toàn bộ gốc vay, lãi vay, chi phí, lệ phí, tổn thất và phí tổn thất phát sinh mà Tập đoàn đã trả cho các ngân hàng tương ứng tỷ lệ vốn góp của Tổng Công ty tại PVTEX, việc hoàn trả được thực hiện trong vòng 45 ngày kể từ ngày Tập đoàn có công văn yêu cầu Tổng Công ty hoàn trả số tiền trên. Ngày 23 tháng 01 năm 2015, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam đã có Công văn số 527/DKVN-TCKT yêu cầu Tổng Công ty thực hiện các cam kết nêu trên, cụ thể: Tập đoàn đã thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh, trả thay cho PVTEX một phần khoản vay trung hạn đầu tư xây dựng nhà máy và khoản vay ngắn hạn để vận hành chạy thử với số tiền tổng cộng là 389,4 tỷ đồng. Theo đó, trong năm 2015 Tổng Công ty đã chuyển trả cho Tập đoàn số tiền là 101,2 tỷ đồng. Trong kỳ, Tổng Công ty đã thực hiện hoàn trả cho Tập đoàn hơn 6,1 tỷ đồng liên quan đến nghĩa vụ bảo lãnh đối ứng cho chi phí lãi vay Tập đoàn đã trả thay PVTEX. Tại 30 tháng 6 năm 2016, số dư phải thu PVTEX liên quan đến khoản cam kết bảo lãnh vay vốn đối ứng là hơn 108 tỷ đồng.

Theo Công văn số 9792/CV-KHDN ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam về việc cơ cấu khoản vay dự án xây dựng Nhà máy Sản xuất Xơ sợi Tổng hợp Polyester Đình Vũ: ngày trả nợ gốc tiếp theo là ngày 21 tháng 6 năm 2017, như vậy tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 Tổng Công ty không có nghĩa vụ hoàn trả Tập đoàn bất cứ số tiền nào liên quan đến các khoản cam kết bảo lãnh đối ứng nêu trên.

37. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro vốn**

Tổng Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Tổng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Tổng Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 24 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính của Tổng Công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	30/6/2016	31/12/2015
	VND	VND
Các khoản vay	132.445.241.203	226.950.078.667
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	4.606.999.745.535	5.188.813.158.588
Nợ thuần	-	-
Vốn chủ sở hữu	8.559.055.561.033	8.368.170.464.619
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	-	-

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN43 Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DN****37. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Tổng Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	30/6/2016	31/12/2015
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.606.999.745.535	5.188.813.158.588
Đầu tư tài chính ngắn hạn	35.000.000.000	70.000.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	430.393.428.650	341.731.073.701
Tổng cộng	5.072.393.174.185	5.600.544.232.289
Công nợ tài chính		
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	132.445.241.203	226.950.078.667
Phải trả người bán và phải trả khác	487.373.218.331	1.334.564.059.313
Chi phí phải trả	153.294.094.443	53.486.372.501
Dự phòng phải trả	265.455.673.197	136.231.934.667
Tổng cộng	1.038.568.227.174	1.751.232.445.148

Tổng Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Tổng Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Tổng Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Tổng Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất và giá. Tổng Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này sau khi Ban Tổng Giám đốc đánh giá chi phí để thực hiện phòng ngừa rủi ro này có thể cao hơn chi phí phát sinh do rủi ro thị trường khi có sự thay đổi về lãi suất và giá của các công cụ tài chính này trong tương lai.

37. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)***Rủi ro thị trường (Tiếp theo)******Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu***

Các cổ phiếu do Tổng Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Tổng Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Tổng Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện đánh giá các khoản đầu tư cổ phiếu và nhận thấy ngoài khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Hóa dầu và Xơ sợi Dầu khí (PVTEX), Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí (PVC-Mekong), Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin, Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí (PAIC) và Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản Út Xi thì không có cổ phiếu của đơn vị nhận đầu tư nào khác suy giảm giá trị, do vậy Tổng Công ty chỉ thực hiện trích dự phòng giảm giá đầu tư cho các khoản đầu tư nêu trên với tổng số tiền trích lập đến ngày 30 tháng 6 năm 2016 là hơn 666 tỷ đồng.

Quản lý rủi ro lãi suất

Tổng Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Tổng Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Tổng Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Tổng Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Tổng Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Tổng Công ty. Tổng Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Tổng Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, Tổng Công ty có một số khoản phải thu tồn đọng lâu ngày và khó có khả năng thu hồi. Theo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc, khả năng thu hồi các khoản phải thu này là rất thấp. Vì vậy, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty quyết định lập dự phòng toàn bộ cho các khoản phải thu này với số tiền lũy kế đến ngày 30 tháng 6 năm 2016 là hơn 236 tỷ đồng.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Tổng Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Tổng Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Tổng Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Tổng Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN43 Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**
Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09a-DN****37. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)*****Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)***

dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Tổng Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

30/6/2016	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Sau 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.606.999.745.535	-	-	4.606.999.745.535
Đầu tư tài chính ngắn hạn	35.000.000.000	-	-	35.000.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	430.393.428.650	-	-	430.393.428.650
Tổng cộng	5.072.393.174.185	-	-	5.072.393.174.185
30/6/2016	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Sau 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND	VND
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	132.445.241.203	-	-	132.445.241.203
Phải trả người bán và phải trả khác	487.373.218.331	-	-	487.373.218.331
Chi phí phải trả	153.294.094.443	-	-	153.294.094.443
Dự phòng phải trả	48.214.293.886	217.241.379.311	-	265.455.673.197
Tổng cộng	821.326.847.863	217.241.379.311	-	1.038.568.227.174
Chênh lệch thanh khoản thuần	4.251.066.326.322	(217.241.379.311)	-	4.033.824.947.011
31/12/2015	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Sau 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.188.813.158.588	-	-	5.188.813.158.588
Đầu tư tài chính ngắn hạn	70.000.000.000	-	-	70.000.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	341.731.073.701	-	-	341.731.073.701
Tổng cộng	5.600.544.232.289	-	-	5.600.544.232.289
31/12/2015	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Sau 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND	VND
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	-	226.950.078.667	-	226.950.078.667
Phải trả người bán và phải trả khác	1.334.564.059.313	-	-	1.334.564.059.313
Chi phí phải trả	53.486.372.501	-	-	53.486.372.501
Dự phòng phải trả	39.680.210.527	96.551.724.140	-	136.231.934.667
Tổng cộng	1.427.730.642.341	323.501.802.807	-	1.751.232.445.148
Chênh lệch thanh khoản thuần	4.172.813.589.948	(323.501.802.807)	-	3.849.311.787.141

Ban Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Tổng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN

43 Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DN****38. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN****Các bên liên quan chủ yếu của Công ty bao gồm:**

Công ty mẹ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam

Các công ty con, công ty liên kết

Các công ty cùng Tập đoàn

Trong kỳ, Tổng Công ty đã có giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/6/2016	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015
	VND	VND
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam		
Cổ tức trả Tập đoàn	932.817.012.000	349.806.379.500
Phí Quản lý nộp Tập đoàn	15.218.924.595	15.604.057.564
	948.035.936.595	365.410.437.064
Bán hàng		
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ	953.779.495.436	1.204.444.863.988
Công ty Cổ phần Phân Bón và Hóa Chất Dầu khí Miền Trung	1.061.284.902.451	1.145.630.746.547
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Bắc	685.164.226.650	762.349.333.611
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ	986.042.097.887	971.950.725.025
Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau	4.823.947.252	-
Công ty Cổ phần Quản lý và Phát triển nhà Dầu khí Miền Nam	-	7.993.232.000
Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ	-	16.219.227
	3.691.094.669.676	4.092.385.120.398
Mua hàng hóa, dịch vụ		
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	732.192.776.689	961.724.035.199
Công ty Cổ phần PVI	30.752.534.638	38.600.801.967
Công ty Cổ Phần Bao bì Đạm Phú Mỹ	53.097.039.390	37.866.001.100
Công ty Cổ phần Quản lý và Phát triển nhà Dầu khí Miền Nam	-	36.481.133.035
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (PTSC)	15.671.969.165	13.905.919.710
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Trung	20.302.525.775	12.809.693.348
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Bắc	11.323.866.510	9.055.444.053
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	6.189.352.816	7.553.723.921
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ	9.393.779.387	2.757.487.879
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ	38.700.121.249	1.994.046.817
Viện Dầu khí Việt Nam	871.071.847	1.243.671.839
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí	1.566.492.191	-
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ tổng hợp dầu khí (Petrosetco)	2.424.550.809	-
Tổng Công ty Công nghệ năng lượng Dầu khí Việt Nam - Công ty Cổ phần (EIC)	1.942.020.288	-
	924.428.100.754	1.123.991.958.868

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN43 Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**MÃU SỐ B 09a-DN****38. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)**

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	30/6/2016 VND	31/12/2015 VND
Phải thu khách hàng		
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ	168.981.977.669	82.282.964.965
Công ty Cổ phần Phân Bón và Hóa Chất Dầu Khí Miền Trung	135.280.119.669	73.561.462.846
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ	62.657.889.037	57.963.694.843
Công ty Cổ phần Phân Bón và Hóa Chất Dầu Khí Miền Bắc	19.598.615.366	7.124.457.328
Công ty Cổ phần Hoá dầu và Xơ sợi Dầu khí	195.253.105	195.253.105
Công ty Cổ phần Quản lý và Phát triển nhà Dầu khí Miền Nam	-	469.582.598
	386.713.854.846	221.597.415.685
Trả trước cho người bán		
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (PTSC)	267.397.750.904	295.162.847.973
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí	5.118.217.417	5.684.164.656
Công ty Cổ phần Quản lý và Phát triển nhà Dầu khí Miền Nam	-	748.148.000
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Trung	707.683.500	-
Tổng Công ty Dung Dịch Khoan và Hoá Phẩm Dầu Khí - CTCP	2.474.686.408	-
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ	54.978.000	-
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ	207.000.000	-
Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí - Chi nhánh Hồ Chí Minh	106.625.063	426.315.939
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Bắc	70.000.000	-
	276.136.941.292	302.021.476.568
Phải thu ngắn hạn khác		
Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Công đoàn Dầu khí Việt Nam	110.143.267.289	110.143.267.289
Công ty Cổ phần Hóa dầu và Xơ sợi Dầu khí	108.213.621.735	101.620.682.378
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Bắc	12.792.091.037	12.792.091.037
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Bắc	-	1.147.503.234
Công ty Cổ phần Phân Bón và Hóa Chất Dầu Khí Miền Trung	-	855.000.000
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh	-	402.294.445
Tổng công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam (PVI)	2.079.604.345	17.879.716
	233.228.584.406	226.978.718.099
Phải trả người bán		
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	148.367.622.996	132.509.629.764
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (PTSC)	3.414.368.214	61.944.634.291
Công ty Cổ phần Quản lý và Phát triển nhà Dầu khí Miền Nam	-	7.511.716.726
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Trung	7.278.230.119	3.939.037.614
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Bắc	4.100.057.666	2.180.472.076
Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ	15.147.578.600	10.518.028.800
Công ty Cổ phần Phát triển đô thị Dầu khí	3.188.351.271	8.394.696.761
Công ty Cổ phần PVI	298.654.076	194.309.908
Viện Dầu khí Việt Nam	108.790.000	1.760.649.790
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất dầu khí Đông Nam Bộ	3.521.452.538	1.600.646.484
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ	3.660.866.406	1.266.527.143
Tổng Công ty Dung Dịch Khoan và Hoá Phẩm Dầu Khí - CTCP	487.200.000	-
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí (PVTrans)	1.335.332.613	1.211.241.068
Tổng Công ty Công nghệ năng lượng Dầu khí Việt Nam - CTCP (EIC)	304.619.439	2.967.481.441
	191.213.123.938	235.999.071.866

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN43 Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DN****38. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)**

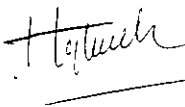
Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau (Tiếp theo):

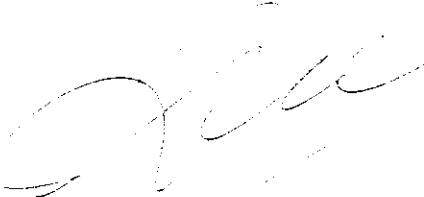
	30/6/2016	31/12/2015
	VND	VND
Người mua trả tiền trước		
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ	17.654.000.000	22.569.877.500
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Trung	43.742.642.000	6.775.338.200
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Bắc	19.979.892.800	8.907.788.000
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ	4.931.932.758	4.064.308.372
	86.308.467.558	42.317.312.072
Vay và nợ thuê tài chính		
Nghân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh	132.445.241.203	226.950.078.667
	132.445.241.203	226.950.078.667
Phải trả ngắn hạn khác		
Tập đoàn dầu khí Việt Nam-Cổ tức phải trả	-	582.914.138.405
	-	582.914.138.405

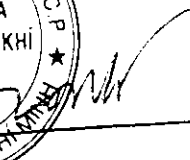
39. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được kiểm toán.

Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu trên báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 đã được soát xét.


Hoàng Thị Lan Anh
Người lập biểu


Võ Ngọc Phương
Kế toán trưởng


Nguyễn Văn Tông
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 10 tháng 8 năm 2016



**TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ -
CÔNG TY CỔ PHẦN**

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã Hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

**Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016**



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	7 - 8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	9 - 44

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần (gọi tắt là "Tổng Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã điều hành Tổng Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Cự Tân	Chủ tịch
Bà Nguyễn Thị Hiền	Phó Chủ tịch
Ông Đoàn Văn Nhuộm	Ủy viên
Ông Nguyễn Hồng Vinh	Ủy viên
Ông Louis T.Nguyen	Ủy viên (bổ nhiệm ngày 29 tháng 4 năm 2016)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Đoàn Văn Nhuộm	Tổng Giám đốc
Bà Trần Thị Phương Thảo	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 29 tháng 4 năm 2016)
Ông Từ Cường	Phó Tổng Giám đốc
Ông Hoàng Việt Dũng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Văn Quốc Việt	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Tòng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Dương Trí Hội	Phó Tổng Giám đốc
Bà Lê Thị Thu Hương	Phó Tổng Giám đốc
Ông Võ Ngọc Phương	Kế toán trưởng (bổ nhiệm ngày 29 tháng 4 năm 2016)
Ông Huỳnh Kim Nhân	Kế toán trưởng (miễn nhiệm ngày 29 tháng 4 năm 2016)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty trong kỳ, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

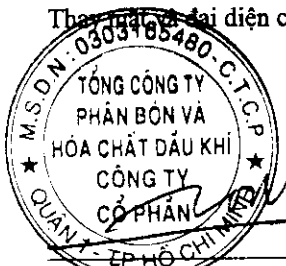
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Văn Tông
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 10 tháng 8 năm 2016
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Số: *234* /VN1A-HN-BC

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần (gọi tắt là "Tổng Công ty"), được lập ngày 10 tháng 8 năm 2016, từ trang 4 đến trang 44, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Đặng Chí Dũng

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0030-2013-001-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 10 tháng 8 năm 2016

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Tên Deloitte được dùng để chỉ một hoặc nhiều thành viên của Deloitte Touche Tohmatsu Limited, một công ty TNHH có trụ sở tại Anh, và mạng lưới các hãng thành viên - mỗi thành viên là một tổ chức độc lập về mặt pháp lý. Deloitte Touche Tohmatsu Limited (hay "Deloitte Toàn cầu") không cung cấp dịch vụ cho các khách hàng. Vui lòng xem tại website www.deloitte.com/about để biết thêm thông tin chi tiết về cơ cấu pháp lý của Deloitte Touche Tohmatsu Limited và các hãng thành viên.

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN

43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
 Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016

MẪU SỐ B 01a-DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2016	31/12/2015
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		7.170.771.761.949	8.082.320.730.170
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	5.143.438.505.430	5.690.048.266.789
1. Tiền	111		254.691.005.430	251.548.266.789
2. Các khoản tương đương tiền	112		4.888.747.500.000	5.438.500.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	105.000.000.000	80.950.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		105.000.000.000	80.950.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		829.845.083.485	821.016.395.013
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	297.657.491.528	110.593.516.567
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	504.878.687.272	599.720.730.490
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	9	263.734.552.541	331.619.897.623
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(236.465.152.750)	(220.917.749.667)
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		39.504.894	-
IV. Hàng tồn kho	140	11	951.022.349.852	1.365.359.901.358
1. Hàng tồn kho	141		952.346.582.101	1.369.360.058.916
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.324.232.249)	(4.000.157.558)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		141.465.823.182	124.946.167.010
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	12	21.542.741.233	16.806.463.175
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		116.770.263.175	104.007.880.744
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	20	3.152.818.774	4.131.823.091
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		3.207.716.976.292	2.836.858.993.077
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		2.037.606.000	22.282.745.091
1. Phải thu dài hạn khác	216	9	2.037.606.000	22.282.745.091
II. Tài sản cố định	220		2.010.741.130.950	1.853.675.922.763
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	1.161.798.975.505	950.883.146.423
- Nguyên giá	222		7.606.062.311.247	7.325.699.359.354
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(6.444.263.335.742)	(6.374.816.212.931)
2. Tài sản cố định vô hình	227	14	848.942.155.445	902.792.776.340
- Nguyên giá	228		1.101.836.621.979	1.151.101.721.979
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(252.894.466.534)	(248.308.945.639)
III. Bất động sản đầu tư	230	15	287.016.082.404	213.918.863.401
- Nguyên giá	231		346.037.256.544	257.503.814.400
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(59.021.174.140)	(43.584.950.999)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		705.489.065.198	612.341.484.055
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	16	705.489.065.198	612.341.484.055
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	6	42.300.512.847	47.372.063.536
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		25.391.107.286	27.205.933.822
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		20.502.000.000	20.502.000.000
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(3.592.594.439)	(335.870.286)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		160.132.578.893	87.267.914.231
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12	22.553.479.281	23.061.447.048
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	17	81.260.966.569	64.206.467.183
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263	11	56.318.133.043	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		10.378.488.738.241	10.919.179.723.247

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016

MẪU SỐ B 01a-DN/HN(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2016	31/12/2015
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		1.665.102.389.303	2.371.674.452.992
I. Nợ ngắn hạn	310		1.248.257.554.976	1.835.490.030.431
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	18	477.219.597.381	361.321.100.293
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	19	82.610.803.915	63.651.015.476
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	20	128.692.447.544	83.091.150.528
4. Phải trả người lao động	314		72.747.409.620	118.304.455.634
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	21	165.455.406.302	57.056.342.544
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	700.472.473
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	22	79.068.933.625	1.009.921.782.301
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	24	132.445.241.203	2.133.324.000
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	23	48.214.293.886	40.184.083.102
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		61.803.421.500	99.126.304.080
II. Nợ dài hạn	330		416.844.834.327	536.184.422.561
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		1.846.682.884	2.182.443.406
2. Phải trả dài hạn khác	337	22	908.085.000	6.826.964.074
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	24	-	230.138.981.667
4. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	17	145.794.000.000	146.185.982.143
5. Dự phòng phải trả dài hạn	342	23	217.241.379.311	96.551.724.139
6. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		51.054.687.132	54.298.327.132
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		8.713.386.348.938	8.547.505.270.255
I. Vốn chủ sở hữu	410	25	8.713.386.348.938	8.547.505.270.255
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		3.914.000.000.000	3.800.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		3.914.000.000.000	3.800.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		21.179.913.858	21.179.913.858
3. Cổ phiếu quỹ	415		(2.296.824.120)	(2.296.824.120)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		3.494.880.469.795	3.498.666.363.829
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		1.112.936.936.096	1.038.014.367.026
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421a		449.722.201.430	734.858.823.580
lũy kế đến cuối kỳ trước				
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		663.214.734.666	303.155.543.446
6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		172.685.853.309	191.941.449.662
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		10.098.318.788.241	10.919.179.723.247

Trần Xuân Thảo
Người lập biểu

Ngày 10 tháng 8 năm 2016

Võ Ngọc Phương
Kế toán trưởngNguyễn Văn Tông
Phó Tổng Giám đốc

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/6/2016	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		4.472.253.207.477	5.175.152.106.600
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		47.871.917.320	47.133.889.096
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	28	4.424.381.290.157	5.128.018.217.504
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	28	2.895.441.946.982	3.561.680.966.876
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		1.528.939.343.175	1.566.337.250.628
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	30	113.797.431.418	129.970.151.527
7. Chi phí tài chính	22	31	10.376.285.965	3.083.689.977
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.733.006.920	1.355.949.426
8. Phần lãi/(lỗ) trong công ty liên kết	24	6	1.414.479.805	(167.986.199.299)
9. Chi phí bán hàng	25	32	392.163.701.764	343.283.055.515
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	32	270.729.840.675	231.422.821.968
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)+24-(25+26))	30		970.881.425.994	950.531.635.396
12. Thu nhập khác	31		7.803.727.473	2.389.479.324
13. Chi phí khác	32		2.745.461.444	317.647.167
14. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		5.058.266.029	2.071.832.157
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		975.939.692.023	952.603.467.553
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	33	194.389.233.788	144.602.590.265
17. (Thu nhập)/Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		(17.446.481.530)	22.585.597.362
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		798.996.939.765	785.415.279.926
18.1. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ	61		785.999.242.160	768.305.186.749
18.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		12.997.697.605	17.110.093.177
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	34		1.817

1700

M.S.D.N: 0303165480

TỔNG CÔNG TY
PHÂN BÓN VÀ
HÓA CHẤT DẦU KHÍ
CÔNG TY
CỔ PHẦN

QUẬN 1 - TP. HCM

Nguyễn Văn
Pho Tổng G

Ngày 10 tháng 8 năm 2016

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN

43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

MẪU SỐ B 03a-DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/6/2016	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	975.939.692.023	952.603.467.553
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	130.112.748.573	131.777.351.959
Các khoản dự phòng	03	145.351.940.457	95.571.592.827
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	74.348.839	33.095.831
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(112.063.772.537)	39.505.474.292
Chi phí lãi vay	06	1.733.006.920	1.355.949.426
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	1.141.147.964.275	1.220.846.931.888
(Tăng) các khoản phải thu	09	(174.941.629.200)	(151.648.393.567)
Giảm hàng tồn kho	10	360.695.343.772	238.358.840.964
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	260.240.901.837	(185.807.915.055)
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	(5.060.374.305)	8.722.200.497
Tiền lãi vay đã trả	14	(1.733.006.920)	(1.355.949.426)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(149.291.963.038)	(136.277.742.767)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	17.932.484.482	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(181.491.967.339)	(149.439.594.801)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	1.267.497.753.564	843.398.377.733
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(421.153.469.543)	(209.396.166.473)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	-	6.040.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(100.000.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24	75.000.000.000	2.119.148.009
5. Tiền thu hồi đầu tư vốn vào đơn vị khác	26	30.222.223.701	4.606.214.100
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	116.352.348.822	130.436.441.623
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(299.578.897.020)	(72.228.322.741)

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**
Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

MẪU SỐ B 03a-DN/HN(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

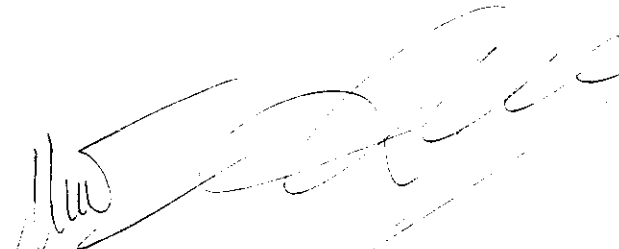
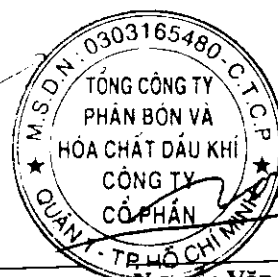
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU

Mã số	Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/6/2016	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015
-------	--	--

III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31	114.000.000.000	-
2. Tiền thu từ đi vay	33	5.780.162.536	180.279.353.140
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(100.285.000.000)	(132.573.606.165)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(1.533.949.431.600)	(569.739.284.625)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(1.514.454.269.064)	(522.033.537.650)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50	(546.535.412.520)	249.136.517.342
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5.690.048.266.789	5.078.299.954.021
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(74.348.839)	(43.618.916)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70	5.143.438.505.430	5.327.392.852.447


Trần Xuân Thảo
Người lập biểuVõ Ngọc Phương
Kế toán trưởngNguyễn Văn Tòng
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 10 tháng 8 năm 2016

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN

43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần (gọi tắt là “Tổng Công ty”) tiền thân là Công ty Cổ phần Phân đạm và Hóa chất Dầu khí, được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103007696 ngày 31 tháng 8 năm 2007 và sửa đổi lần thứ 13 ngày 10 tháng 3 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Tổng Công ty chính thức chuyển sang hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2008 theo Nghị quyết số 01/NĐ-ĐHĐCĐ của Đại hội đồng Cổ đông, trong đó Công ty mẹ - Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần được hình thành từ bộ máy các phòng chức năng của Công ty Cổ phần Phân đạm và Hóa chất Dầu khí, các Ban quản lý dự án và Nhà máy Đạm Phú Mỹ. Cổ phiếu của Tổng Công ty được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 05 tháng 11 năm 2007 với mã chứng khoán là DPM.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, Công ty mẹ của Tổng Công ty là Tập đoàn Dầu khí Việt Nam nắm giữ 59,58% vốn điều lệ.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty bao gồm:

- Sản xuất và kinh doanh phân đạm, amoniac lỏng, khí công nghiệp, các sản phẩm hóa chất khác;
- Cung cấp các dịch vụ kỹ thuật trong sản xuất, kinh doanh phân đạm và các sản phẩm hóa chất khác có liên quan (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh);
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan;
- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;
- Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô, đường thủy nội địa, chế biến các sản phẩm dầu khí và khoáng sản;
- Đào tạo nghề;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy; Bốc xếp hàng hóa cảng biển, sông; Dịch vụ đại lý tàu biển, đại lý vận tải đường biển và lưu giữ hàng hóa.

Hoạt động chính của Tổng Công ty là sản xuất và kinh doanh các loại phân bón sử dụng trong nông nghiệp.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tổng Công ty và các công ty con được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, Tổng Công ty có 04 công ty con, 03 công ty liên kết, 01 chi nhánh, 01 Nhà máy, 01 Ban Quản lý và 01 Văn phòng đại diện. Cụ thể bao gồm:

- Nhà máy Đạm Phú Mỹ
- Chi nhánh Tổng Công ty tại Thành phố Hồ Chí Minh
- Ban Quản lý Dự án chuyên ngành Phân bón và Hóa chất Dầu khí
- Văn phòng đại diện tại Myanmar.

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**MÃU SỐ B 09a-DN/HN****1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (Tiếp theo)****Cấu trúc doanh nghiệp (Tiếp theo)**

Thông tin khái quát về các công ty con và công ty liên kết của Tổng Công ty như sau:

	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Hoạt động chính	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Trung	Tỉnh Bình Định	75	75	Kinh doanh phân bón và hóa chất	Công ty con
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ	TP. Cần Thơ	75	75	Kinh doanh phân bón và hóa chất	Công ty con
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ	TP. Hồ Chí Minh	75	75	Kinh doanh phân bón và hóa chất	Công ty con
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Bắc	TP. Hà Nội	75	75	Kinh doanh phân bón và hóa chất	Công ty con
Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ	Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	43,34	43,34	Sản xuất bao bì	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí	TP. Cần Thơ	35,63	35,63	Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp và cung cấp dịch vụ	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Hóa dầu và Xơ sợi Dầu khí	TP. Hải Phòng	25,99	25,99	Sản xuất và mua bán xơ sợi polyester	Công ty liên kết

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ VÀ KỲ KẾ TOÁN**Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này được lập cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI**Hướng dẫn mới về chế độ kế toán doanh nghiệp**

Ngày 21 tháng 3 năm 2016, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 53/2016/TT-BTC ("Thông tư 53") sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Thông tư 53 có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2016. Tổng Công ty đã áp dụng Thông tư 53 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Tổng Công ty.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm báo cáo tài chính của Tổng Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Tổng Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016. Việc kiểm soát này đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở các công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Tổng Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư chủ yếu giữa Công ty mẹ và các công ty con và giữa các công ty con với nhau được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tổng Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Tổng Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Tổng Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Tổng Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Tổng Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Tổng Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Tổng Công ty vào công ty liên kết được loại bỏ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản vay, nợ thuê tài chính và dự phòng phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Tổng Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dự thu.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi (nếu có). Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tổng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN

43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DN/HN****4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá xuất kho của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền trừ giá xuất kho nguyên vật liệu được xác định theo phương pháp nhập trước, xuất trước. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có).

Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/6/2016
	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 25
Máy móc, thiết bị	3 - 6
Phương tiện vận tải	6 - 10
Thiết bị văn phòng	3 - 8
Tài sản cố định hữu hình khác	3

Đối với những tài sản cố định tại Nhà máy Đạm Phú Mỹ mà việc sửa chữa có tính chu kỳ thì Tổng Công ty được trích trước chi phí sửa chữa theo dự toán vào chi phí hàng năm. Nếu số thực chi sửa chữa tài sản cố định lớn hơn số trích theo dự toán thì Tổng Công ty được tính thêm vào chi phí hợp lý số chênh lệch này. Nếu số thực chi sửa chữa tài sản cố định nhỏ hơn số đã trích thì phần chênh lệch được hạch toán giảm chi phí kinh doanh trong kỳ.

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình phản ánh giá trị quyền sử dụng đất, bản quyền sáng chế, phần mềm máy tính và tài sản cố định vô hình khác, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng, Tổng Công ty không trích khấu hao đối với quyền sử dụng đất vô thời hạn. Bản quyền sáng chế và tài sản cố định vô hình khác được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 6 năm. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

Thuê hoạt động

Các khoản thuê hoạt động của Tổng Công ty bao gồm thuê văn phòng và thuê đất. Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê tài sản.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà xưởng, vật kiến trúc do Tổng Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Bất động sản đầu tư chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ suy giảm giá trị. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác.

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà cửa, vật kiến trúc của Tòa nhà Đông Tây tại 27 Đinh Bộ Lĩnh, thành phố Hồ Chí Minh; Siêu thị và Cao ốc văn phòng Cửu Long tại tỉnh Cà Mau; Tòa nhà Văn phòng tại số 13A Phan Đình Phùng, thành phố Cần Thơ và Tòa nhà PVFCCo tại 43 Mạc Đĩnh Chi, thành phố Hồ Chí Minh do Tổng Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Bất động sản đầu tư cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính như sau:

Quyền sử dụng đất

Nhà cửa, vật kiến trúc

Từ ngày 01/01/2016**đến ngày 30/6/2016****Số năm****44 - 50****25**

Tổng Công ty không trích khấu hao cho bất động sản đầu tư là giá trị quyền sử dụng đất vô thời hạn.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm chi phí bảo hiểm tài sản, tiền thuê đất, tiền thuê văn phòng và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác. Trong đó:

Tiền thuê đất và tiền thuê văn phòng trả trước được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**Các khoản trả trước (Tiếp theo)**

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ xuất dùng và một số chi phí khác được coi là mang lại lợi ích kinh tế trong tương lai trên một năm. Các khoản chi phí trả trước này được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 1,5 đến 2 năm.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Tổng Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ được trích lập để tạo nguồn đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ của Tổng Công ty. Quỹ được hình thành trên nhu cầu phát triển và đổi mới công nghệ của Tổng Công ty và được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tổng Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán hợp nhất của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán hợp nhất; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu cho thuê bất động sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

Doanh thu hoạt động tài chính chủ yếu bao gồm lãi tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, có kỳ hạn và lãi chênh lệch tỷ giá. Trong đó lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng; lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tổng Công ty có quyền nhận khoản lãi.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**Hợp đồng xây dựng**

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ hoạt động được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Ngoại tệ

Tổng Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

Theo hướng dẫn tại Công văn số 4360/DKVN-TCKT ngày 31 tháng 12 năm 2015 và Công văn số 3124/DKVN-TCKT ngày 13 tháng 5 năm 2015 của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, Tổng Công ty áp dụng tỷ giá mua vào do Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam công bố để chuyển đổi các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày 30 tháng 6 năm 2016. Tỷ giá nêu trên có sự khác biệt so với tỷ giá quy định tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp (“Thông tư 200”), tuy nhiên sự khác biệt này không gây ra ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Tổng Công ty.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của thuế phải trả hiện tại và thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DN/HN****4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Thuế (Tiếp theo)**

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/6/2016	31/12/2015
	VND	VND
Tiền mặt	1.931.511.291	1.519.452.312
Tiền gửi không kỳ hạn	252.759.494.139	250.028.814.477
Các khoản tương đương tiền (*)	4.888.747.500.000	5.438.500.000.000
	5.143.438.505.430	5.690.048.266.789

(*) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc từ 1 tháng đến 3 tháng tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 4,3%/năm đến 5,5%/năm.

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	30/6/2016		31/12/2015	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn				
Tiền gửi có kỳ hạn	105.000.000.000	105.000.000.000	80.950.000.000	80.950.000.000

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc trên 3 tháng và kỳ hạn thu hồi còn lại dưới 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 5,2%/năm đến 6%/năm.

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN

43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

	30/6/2016				31/12/2015			
	Giá gốc		Giá trị theo phương pháp vốn chủ sở hữu		Giá gốc		Giá trị theo phương pháp vốn chủ sở hữu	
	VND		VND		VND		VND	
Đầu tư vào Công ty liên kết	680.903.000.000		25.391.107.286		680.903.000.000		27.205.933.822	
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí	100.000.000.000		-		100.000.000.000		-	
Công ty Cổ phần Hóa dầu và Xơ sợi Dầu khí	562.700.000.000		-		562.700.000.000		-	
Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ	18.203.000.000		25.391.107.286		18.203.000.000		27.205.933.822	
								25.483.920.000
Đầu tư vào đơn vị khác	20.502.000.000		(3.592.594.439)		20.502.000.000		(335.870.286)	
Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin, Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí	3.600.000.000		(335.870.286)		3.600.000.000		(335.870.286)	
Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản Út Xi	16.902.000.000		(3.256.724.153)		16.902.000.000		-	
								-

Theo quy định tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào công ty liên kết và các đơn vị khác tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 cần được trình bày. Tổng Công ty đã xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ trên cơ sở giá niêm yết của cổ phiếu trên sàn giao dịch chứng khoán và số lượng cổ phiếu mà Tổng Công ty đang nắm giữ.

Đối với các khoản đầu tư còn lại, các công ty này chưa thực hiện niêm yết cổ phiếu trên các thị trường chứng khoán, đồng thời Tổng Công ty cũng không thể thu thập được các thông tin đáng tin cậy để xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư, do đó giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 chưa thể xác định được để trình bày trên phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo quy định tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN

43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Thông tin tài chính tóm tắt về các công ty liên kết của Tổng Công ty được trình bày như sau:

	30/6/2016				31/12/2015			
	Tổng tài sản VND	Tổng công nợ VND	Tài sản thuần VND		Tổng tài sản VND	Tổng công nợ VND	Tài sản thuần VND	
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí	6.733.326.806.085	7.469.765.114.518	(736.438.308.433)		6.923.094.964.214	7.378.785.674.715	(455.690.710.501)	
Công ty Cổ phần Hóa dầu và Xơ sợi Dầu khí	347.952.049.900	351.288.400.103	(3.336.350.203)		330.360.207.714	330.105.596.040	254.611.674	
Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ	6.240.650.880.203	7.032.338.044.499	(791.687.164.296)		6.468.231.735.297	6.987.058.617.336	(518.826.882.039)	
	144.723.875.982	86.138.669.916	58.585.206.066		124.503.021.203	61.621.461.339	62.881.559.864	
	Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/6/2016				Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015			
	Doanh thu thuần VND	Lãi/(Lỗ) sau thuế TNDN	Lãi/(Lỗ) thuần từ Công ty liên kết VND		Doanh thu thuần VND	Lãi/(Lỗ) sau thuế TNDN	(Lỗ) thuần từ Công ty liên kết VND	
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí	316.302.281.190	(270.435.518.375)	1.414.479.805		1.178.671.932.235	(502.395.857.801)	(167.986.199.299)	
Công ty Cổ phần Hóa dầu và Xơ sợi Dầu khí	36.721.850.515	(3.590.961.877)	-		44.140.096.508	(3.267.742.539)	(1.160.382.098)	
Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ	156.906.921.042	(271.575.169.079)	-		984.893.726.135	(641.898.427.366)	(166.825.817.201)	
	122.673.509.633	4.730.612.581	1.414.479.805		149.638.109.592	142.770.312.104	-	

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DN/HN****7. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	30/6/2016	31/12/2015
	VND	VND
Công ty TNHH Một thành viên Minh Tân	49.390.430.985	4.924.555.000
Doanh Nghiệp Tư Nhân Hưng Thạnh	24.448.764.000	238.155.348
Công ty TNHH Thủy Minh Khoa	23.555.138.000	485.988.912
Công ty TNHH Một thành viên Thương mại và Dịch vụ Minh Dũng	18.009.438.000	3.266.556.758
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Phân bón Tuấn Vũ	17.605.069.250	11.223.207.929
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Kim Ngoan	17.995.075.225	6.327.357.114
Doanh nghiệp Tư nhân Kim Hoàng	14.440.171.500	11.977.390.570
Công ty Hoàng Long	10.236.830.890	10.236.830.890
Công ty Điều hành chung Lam Sơn	4.273.362.130	7.438.580.996
Khách hàng là các bên liên quan (Chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 38)	1.837.855.705	14.856.636.589
Các khách hàng khác	115.865.355.843	39.618.256.461
	297.657.491.528	110.593.516.567

8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/6/2016	31/12/2015
	VND	VND
Technip Italy S.p.A	101.560.245.434	180.551.547.337
Thyssenkrupp Industrial Solution (India) Private Limited	88.239.754.946	93.223.527.025
Công ty TNHH Thương Mại Sản xuất Ngọc Lan	9.153.800.000	9.153.800.000
Người bán là các bên liên quan (Chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 38)	276.223.806.489	303.892.974.389
Ứng trước cho các nhà cung cấp khác	29.701.080.403	12.898.881.739
	504.878.687.272	599.720.730.490

9. PHẢI THU KHÁC

	30/6/2016	31/12/2015
	VND	VND
Phải thu ngắn hạn khác		
Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Công đoàn Dầu khí Việt Nam	110.143.267.289	110.143.267.289
Công ty Cổ phần Hóa dầu và Xơ sợi Dầu khí (i)	108.213.621.735	101.620.682.378
Trích trước lãi tiền gửi có kỳ hạn	18.096.409.859	22.511.181.846
Công ty Cổ phần Kinh doanh khí hóa lỏng Miền Bắc (ii)	12.792.091.037	12.792.091.037
Tạm ứng cho người lao động	5.214.305.160	3.307.722.538
Ký cược ký quỹ ngắn hạn	34.000.000	47.000.000
Thuế GTGT được hoàn của Nhà máy Đạm Phú Mỹ	-	17.851.484.482
Phải thu chiết khấu mua hàng từ nhà cung cấp	-	51.589.780.848
Khác	9.240.857.461	11.756.687.205
	263.734.552.541	331.619.897.623
Phải thu dài hạn khác		
Ký cược, ký quỹ dài hạn	2.037.606.000	1.167.836.000
Góp vốn hợp tác kinh doanh	-	21.114.909.091
	2.037.606.000	22.282.745.091

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN

43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DN/HN****9. PHẢI THU KHÁC (Tiếp theo)**

- (i) Số dư phải thu Công ty Cổ phần Hóa dầu và Xơ sợi Dầu khí (“PVTEX”) tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 thể hiện khoản thanh toán theo cam kết bảo lãnh đối ứng cho các khoản vay vốn ngắn và trung hạn của PVTEX. Nghĩa vụ thanh toán phát sinh do Tổng Công ty đã ký 02 Cam kết bảo lãnh đối ứng với Tập đoàn liên quan đến nghĩa vụ bảo lãnh của Tập đoàn cho các khoản vay vốn ngắn và trung hạn của PVTEX. Trong năm 2014, Tập đoàn đã thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh, trả thay cho PVTEX một phần khoản vay trung hạn đầu tư xây dựng nhà máy và khoản vay ngắn hạn để vận hành chạy thử cùng với lãi suất với số tiền tổng cộng là 389,4 tỷ đồng, theo đó, Tổng Công ty đã hoàn trả cho Tập đoàn số tiền tương ứng tỷ lệ vốn góp của Tổng Công ty vào PVTEX là 101,2 tỷ đồng. Trong kỳ Tổng Công ty đã thực hiện hoàn trả cho Tập đoàn hơn 6,1 tỷ đồng liên quan đến nghĩa vụ bảo lãnh đối ứng cho phần chi phí lãi vay Tập đoàn đã trả thay PVTEX.

Theo các Biên bản thỏa thuận giữa PVN, PVTEX và Tổng Công ty, PVN sẽ chịu trách nhiệm thu hồi nợ gốc và lãi vay đối với các khoản bảo lãnh mà các bên đã trả thay PVTEX. Trong vòng 07 ngày kể từ ngày PVN thu được khoản tiền trả nợ từ PVTEX (bao gồm cả số tiền gốc thanh toán và lãi vay), PVN sẽ hoàn trả cho Tổng Công ty số tiền tính theo tỷ lệ góp vốn của Tổng Công ty tại PVTEX. Lãi suất nhận nợ được xác định bằng lãi suất không kỳ hạn do Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam công bố, thời gian tính lãi bắt đầu từ ngày Tổng Công ty trả tiền thực hiện bảo lãnh đối ứng cho PVN.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, theo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc, khả năng thu hồi khoản phải thu này là rất thấp do lỗ lũy kế của PVTEX đã vượt quá vốn chủ sở hữu, và PVTEX không có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn. Vì vậy, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty quyết định lập dự phòng toàn bộ đối với khoản phải thu này.

- (ii) Số dư phải thu Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Bắc (“PVGN”) tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 phản ánh khoản tiền bảo hiểm thiệt hại công trình Tổng kho sản phẩm dầu khí Đà Nẵng, số tiền bảo hiểm thiệt hại đã được cơ quan bảo hiểm đền bù nhưng PVGN chưa chuyển trả cho Tổng Công ty.

10. NỢ XẤU

	30/6/2016		31/12/2015	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Phải thu khó có khả năng thu hồi	240.302.780.061	3.837.627.311	220.917.749.667	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Công đoàn Dầu khí Việt Nam (i)	110.143.267.289	-	110.143.267.289	-
Doanh nghiệp tư nhân Ngọc Lan (ii)	9.153.800.000	-	9.153.800.000	-
Công ty Cổ phần Hóa dầu và Xơ sợi Dầu khí (iii)	108.213.621.735	-	101.620.682.378	-
Công ty Cổ phần Kinh doanh khí hóa lỏng Miền Bắc	12.792.091.037	3.837.627.311	-	-

- (i) Tổng Công ty đã lập dự phòng toàn bộ cho khoản phải thu Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Công đoàn Dầu khí Việt Nam trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.
- (ii) Tổng Công ty đã lập dự phòng toàn bộ cho khoản phải thu Doanh nghiệp tư nhân Ngọc Lan trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.
- (iii) Tổng Công ty đã lập dự phòng toàn bộ cho số dư phải thu Công ty Cổ phần Hóa dầu và Xơ sợi Dầu khí (“PVTEX”) liên quan đến khoản cam kết bảo lãnh đối ứng cho các khoản vay vốn trung và dài hạn như trình bày tại Thuyết minh số 9.

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DN/HN****11. HÀNG TỒN KHO**

	30/6/2016		31/12/2015	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng đi đường	296.605.143.773	-	87.407.094.183	-
Nguyên liệu, vật liệu	283.999.649.472	-	335.681.802.319	-
Công cụ, dụng cụ	5.965.121.470	-	9.633.946.053	-
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	56.318.133.043	-	-	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	18.334.771.539	-	28.769.617.579	-
Thành phẩm	64.127.399.298	-	192.347.388.684	-
Hàng hoá	283.314.496.549	(1.324.232.249)	715.520.210.098	(4.000.157.558)
Cộng	1.008.664.715.144	(1.324.232.249)	1.369.360.058.916	(4.000.157.558)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, Tổng Công ty đã trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cho một số hàng hóa có giá gốc cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được với số tiền 1.324.232.249 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 4.000.157.558 đồng).

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	30/6/2016	31/12/2015
	VND	VND
Ngắn hạn		
Chi phí bảo hiểm tài sản	10.313.857.061	10.124.705.794
Trả trước tiền thuê đất	2.204.905.608	-
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	9.023.978.564	6.681.757.381
	21.542.741.233	16.806.463.175
Dài hạn		
Trả trước tiền thuê đất, thuê văn phòng	10.475.602.237	11.819.525.887
Công cụ dụng cụ phân bổ	5.059.247.518	4.248.106.956
Chi phí trả trước dài hạn khác	7.018.629.526	6.993.814.205
	22.553.479.281	23.061.447.048

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN

43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09a-DN/HN

13. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ						
Tại ngày 01/01/2016	1.609.275.595.636	5.411.372.326.297	138.483.520.995	157.747.720.721	8.820.195.705	7.325.699.359.354
Mua sắm mới	-	13.498.680.291	1.409.960.000	2.679.377.504	-	17.588.017.795
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	391.370.325.753	-	-	-	-	391.370.325.753
Thanh lý, nhượng bán	-	(11.118.539.075)	(3.365.153.116)	(46.032.350)	-	(14.529.724.541)
Phân loại sang Bất động sản đầu tư	(39.640.650.000)	(1.502.792.144)	-	-	-	(41.143.442.144)
Giảm do thoái vốn tại Công ty Cổ phần Quân lý và Phát triển nhà Dầu khí Miền Nam	-	(9.429.904.799)	(61.981.800.732)	(1.510.519.439)	-	(72.922.224.970)
Tại ngày 30/6/2016	1.961.005.271.389	5.402.819.770.570	74.546.527.147	158.870.546.436	8.820.195.705	7.606.062.311.247
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Tại ngày 01/01/2016	914.749.518.143	5.269.670.792.705	89.582.405.956	95.387.978.283	5.425.517.844	6.374.816.212.931
Trích khấu hao trong kỳ	47.241.615.703	54.652.626.017	3.014.840.068	14.211.972.402	993.497.384	120.114.551.574
Thanh lý, nhượng bán	-	(3.893.824.562)	(776.148.834)	(35.757.452)	-	(4.705.730.848)
Phân loại sang Bất động sản đầu tư	(9.910.162.498)	(193.510.222)	-	-	-	(10.103.672.720)
Giảm do thoái vốn tại Công ty Cổ phần Quân lý và Phát triển nhà Dầu khí Miền Nam	-	(1.938.398.627)	(33.018.893.755)	(900.732.813)	-	(35.858.025.195)
Tại ngày 30/6/2016	952.080.971.348	5.318.297.685.311	58.802.203.435	108.663.460.420	6.419.015.228	6.444.263.335.742
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 30/6/2016	1.008.924.300.041	84.522.085.259	15.744.323.712	50.207.086.016	2.401.180.477	1.161.798.975.505
Tại ngày 31/12/2015	694.526.077.493	141.701.533.592	48.901.115.039	62.359.742.438	3.394.677.861	950.883.146.423

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 là 5.402.865.430.362 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: 5.379.131.033.588 đồng).

Như trình bày tại Thuyết minh số 24, toàn bộ tài sản hình thành từ Dự án Xưởng sản xuất UFC 85/Formaldehyde với giá trị khoảng 391 tỷ đồng được sử dụng làm tài sản đảm bảo cho khoản vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh.

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**
Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09a-DN/HN****14. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất	Bản quyền, bằng sáng chế	Phần mềm máy tính	Tài sản cố định vô hình khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2016	913.888.881.862	173.714.520.045	53.560.002.040	9.938.318.032	1.151.101.721.979
Tăng trong năm	-	59.900.000	-	-	59.900.000
Phân loại sang Bất động sản đầu tư	(49.215.000.000)	-	-	-	(49.215.000.000)
Giảm do thoái vốn tại Công ty Cổ phần Quản lý và Phát triển nhà Dầu khí Miền Nam	-	-	(110.000.000)	-	(110.000.000)
Tại ngày 30/6/2016	864.673.881.862	173.774.420.045	53.450.002.040	9.938.318.032	1.101.836.621.979
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2016	21.384.978.904	171.631.556.421	45.354.092.282	9.938.318.032	248.308.945.639
Trích khấu hao trong kỳ	2.498.692.967	198.140.914	1.968.812.697	-	4.665.646.578
Giảm do thoái vốn tại Công ty Cổ phần Quản lý và Phát triển nhà Dầu khí Miền Nam	-	-	(80.125.683)	-	(80.125.683)
Tại ngày 30/6/2016	23.883.671.871	171.829.697.335	47.242.779.296	9.938.318.032	252.894.466.534
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 30/6/2016	840.790.209.991	1.944.722.710	6.207.222.744	-	848.942.155.445
Tại ngày 31/12/2015	892.503.902.958	2.082.963.624	8.205.909.758	-	902.792.776.340

Nguyên giá tài sản cố định vô hình hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 là 213.138.718.574 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: 178.416.446.555 đồng).

15. TĂNG, GIẢM BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Quyền sử dụng đất	Nhà cửa, vật kiến trúc	Tổng cộng
	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2016	61.823.516.000	195.680.298.400	257.503.814.400
Phân loại từ tài sản cố định hữu hình	-	41.143.442.144	41.143.442.144
Phân loại từ tài sản vô hình	49.215.000.000	-	49.215.000.000
Giảm do thoái vốn tại Công ty Cổ phần Quản lý và Phát triển nhà Dầu khí Miền Nam	(1.825.000.000)	-	(1.825.000.000)
Tại ngày 30/6/2016	109.213.516.000	236.823.740.544	346.037.256.544
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2016	7.423.347.420	36.161.603.579	43.584.950.999
Trích khấu hao trong kỳ	500.093.752	4.832.456.669	5.332.550.421
Phân loại từ tài sản cố định hữu hình	-	10.103.672.720	10.103.672.720
Tại ngày 30/6/2016	7.923.441.172	51.097.732.968	59.021.174.140
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 30/6/2016	101.290.074.828	185.726.007.576	287.016.082.404
Tại ngày 31/12/2015	54.400.168.580	159.518.694.821	213.918.863.401

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09a-DN/HN****15. TĂNG, GIẢM BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ (Tiếp theo)**

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà cửa, vật kiến trúc của Tòa nhà Đông Tây tại 27 Đinh Bộ Lĩnh, thành phố Hồ Chí Minh; Siêu thị và Cao ốc văn phòng Cửu Long tại tỉnh Cà Mau; Tòa nhà Văn phòng tại số 13A Phan Đình Phùng, thành phố Cần Thơ và Tòa nhà PVFCCo tại 43 Mạc Đĩnh Chi, thành phố Hồ Chí Minh do Tổng Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê.

Theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 05 - *Bất động sản đầu tư*, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cần được trình bày. Tuy nhiên, Tổng Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý này nên giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 chưa được trình bày trên Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

16. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	30/6/2016	31/12/2015
	VND	VND
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	705.489.065.198	612.341.484.055
Trong đó:		
<i>Dự án UFC 85/Formaldehyde (*)</i>	-	348.243.750.831
<i>Dự án nâng công suất phân xưởng NH₃ nhà máy Đạm Phú Mỹ và xây dựng nhà máy sản xuất NPK</i>	585.583.845.829	108.329.487.319
<i>Dự án Amoniac</i>	-	46.248.899.367
<i>Dự án nhà cán bộ công nhân viên</i>	36.342.070.618	36.342.070.618
<i>Kho Tây Ninh</i>	24.001.000.364	24.001.000.364
<i>Các dự án khác</i>	59.562.148.387	49.176.275.556
	705.489.065.198	612.341.484.055

(*) Dự án UFC 85/Formaldehyde đã hoàn thành và chính thức đi vào hoạt động theo Biên bản nghiệm thu hoàn thành và bàn giao để đưa vào sử dụng ngày 11 tháng 5 năm 2016.

17. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOÀN LẠI VÀ THUẾ THU NHẬP HOÀN LẠI PHẢI TRẢ**Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**

	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	Chi phí trích trước chưa có hóa đơn	Lợi nhuận chưa thực hiện	Khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2015	7.269.455.641	41.835.870.901	9.022.510.994	7.151.801.283	65.279.638.819
Ghi nhận trong năm	15.087.094.482	(12.688.721.196)	(4.140.575.309)	669.030.387	(1.073.171.636)
Tại ngày 01/01/2016	22.356.550.123	29.147.149.705	4.881.935.685	7.820.831.670	64.206.467.183
Ghi nhận trong kỳ	(2.032.413.647)	29.263.080.269	(2.381.893.830)	(7.794.273.406)	17.054.499.386
Tại ngày 30/6/2016	20.324.136.476	58.410.229.974	2.500.041.855	26.558.264	81.260.966.569

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

	Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/6/2016
	VND
Tại ngày 01 tháng 01	146.185.982.143
Ghi nhận trong kỳ	(391.982.143)
Tại ngày 30 tháng 6	145.794.000.000

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN

43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DN/HN****18. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	30/6/2016		31/12/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Uralkali Trading S.A	180.916.862.500	180.916.862.500	-	-
Baker Hughes Asia Pacific Ltd.,	21.332.708.020	21.332.708.020	16.849.383.370	16.849.383.370
Công ty Cổ phần Truyền thông PSC	12.157.050.080	12.157.050.080	142.500.000	142.500.000
Phải trả người bán là các bên liên quan	173.617.699.247	173.617.699.247	200.604.081.795	200.604.081.795
(chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 38)				
Các nhà cung cấp khác	89.195.277.534	89.195.277.534	143.725.135.128	143.725.135.128
	477.219.597.381	477.219.597.381	361.321.100.293	361.321.100.293

19. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	30/6/2016	31/12/2015
	VND	VND
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Phân bón Tuấn Vũ	8.250.000.000	-
Công ty TNHH Nam Du Gia Lai	5.040.845.776	-
Công ty TNHH Hữu Thành	2.954.093.950	7.859.050.000
Người mua là các bên liên quan	4.949.146.250	6.212.372.132
(Chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 38)		
Các khách hàng khác	61.416.717.939	49.579.593.344
	82.610.803.915	63.651.015.476

20. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘ NHÀ NƯỚC

Chi tiêu	Phát sinh trong kỳ			Giảm do thoái vốn	30/6/2016
	01/01/2016	Phát sinh tăng	Phát sinh giảm		
	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế và các khoản phải thu					
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.152.818.774	-	-	-	3.152.818.774
Thuế thu nhập cá nhân	979.004.317	-	979.004.317	-	-
Cộng	4.131.823.091	-	979.004.317	-	3.152.818.774

Chi tiêu	Phát sinh trong kỳ			Giảm do thoái vốn	30/6/2016
	01/01/2016	Số phải nộp	Số đã nộp		
	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế và các khoản phải nộp					
Thuế GTGT hàng bán nội địa	1.621.177.611	12.823.018.650	10.863.990.204	104.223.073	3.475.982.984
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	5.816.501.864	5.816.501.864	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	13.292.993.522	13.292.993.522	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	77.632.066.060	194.389.233.788	149.291.963.038	1.171.108.473	121.558.228.337
Thuế thu nhập cá nhân	3.801.529.577	48.729.577.061	48.787.469.614	118.419.121	3.625.217.903
Thuế tài nguyên	29.441.280	190.633.920	188.282.880	-	31.792.320
Thuế bảo vệ môi trường	6.936.000	18.244.000	23.954.000	-	1.226.000
Thuế môn bài	-	28.000.000	28.000.000	-	-
Thuế nhà thầu nước ngoài	-	6.345.779.877	6.345.779.877	-	-
Các loại thuế khác	-	971.077.900	971.077.900	-	-
Cộng	83.091.150.528	282.605.060.582	235.610.012.899	1.393.750.667	128.692.447.544

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**
Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09a-DN/HN****21. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	<u>30/6/2016</u>	<u>31/12/2015</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí phải trả ngắn hạn		
Chi phí an sinh xã hội (i)	34.950.051.571	18.624.552.700
Phải trả về xây dựng cơ bản	34.811.041.809	-
Chi phí phải trả khác	95.694.312.922	38.431.789.844
	<u>165.455.406.302</u>	<u>57.056.342.544</u>

(i) Chi phí an sinh xã hội trong kỳ được trích theo Nghị quyết số 85/QĐ-PBHC ngày 25 tháng 2 năm 2016 về việc “Giao nhiệm vụ, kế hoạch năm 2016 Ban tiếp thị và Truyền thông. Theo đó, chi phí An sinh xã hội được trích thêm trong 6 tháng đầu năm 2016 là 40 tỷ đồng. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, số dư chi phí an sinh xã hội phải trả cho các đối tượng được nhận hỗ trợ là 34.950.051.571 đồng.

22. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ KHÁC

	<u>30/6/2016</u>	<u>31/12/2015</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Phải trả ngắn hạn khác		
Cổ tức phải trả	28.083.855.189	975.031.896.789
Phải trả chiết khấu	26.194.408.522	15.207.128.913
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	6.450.163.465	-
Phải trả ngắn hạn khác	18.340.506.449	19.682.756.599
	<u>79.068.933.625</u>	<u>1.009.921.782.301</u>
Phải trả dài hạn khác		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	908.085.000	6.826.964.074
	<u>908.085.000</u>	<u>6.826.964.074</u>

23. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ

	<u>30/6/2016</u>	<u>31/12/2015</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Ngắn hạn		
Trích trước chi phí bảo dưỡng GAS TURBINE	48.214.293.886	39.680.210.528
Dự phòng bảo hành công trình xây lắp	-	503.872.574
	<u>48.214.293.886</u>	<u>40.184.083.102</u>
Dài hạn		
Trích trước chi phí sửa chữa bảo dưỡng năm 2017 cho Nhà máy Đạm Phú Mỹ	217.241.379.311	96.551.724.139
	<u>217.241.379.311</u>	<u>96.551.724.139</u>

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN

43 Mạc Đình Chi, Phường Đa Kao, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

24. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

Chỉ tiêu	01/01/2016			Phát sinh trong kỳ			30/6/2016		
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ		Tăng	Giảm	Giảm do Công ty mẹ thoái vốn	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh (i)	226.950.078.667	226.950.078.667		5.780.162.536	100.285.000.000	-	132.445.241.203	132.445.241.203	
Ngân hàng TMCP Nam Á - Chi nhánh An Đông	5.000.004.000	5.000.004.000		-	-	5.000.004.000	-	-	-
Ngân hàng TMCP Nam Á - Phòng giao dịch Hòa Bình	322.223.000	322.223.000		-	-	322.223.000	-	-	-
Cộng	232.272.305.667	232.272.305.667		5.780.162.536	100.285.000.000	5.322.227.000	132.445.241.203	132.445.241.203	
Trong đó:									
Số phải trả trong vòng 12 tháng	2.133.324.000							132.445.241.203	
Số phải trả sau 12 tháng	230.138.981.667								

- (i) Khoản vay dài hạn theo Hợp đồng cho vay số 03/2015/HDDA-PVB-CNHCM.QLDT ngày 26 tháng 01 năm 2015 giữa Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh và Tổng Công ty với hạn mức vay là 347.574.411.133 đồng nhằm mục đích bổ sung vốn đầu tư vào dự án Xây dựng công trình xưởng sản xuất UFC85/Formaldehyde do Tổng Công ty làm chủ đầu tư. Thời hạn vay tối đa là 120 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất cho vay được xác định bằng lãi suất tham chiếu cộng lãi suất biên (2,5%/năm). Lãi vay được trả 06 tháng/lần tính trên dư nợ thực tế vào ngày 26 hàng tháng.

Tổng Công ty đã thế chấp toàn bộ tài sản hình thành từ Dự án xây dựng Xưởng sản xuất UFC 85/Formaldehyde tại Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1 thuộc tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu để đảm bảo cho khoản vay ngân hàng nêu trên

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**
Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09a-DN/HN****24. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	<u>30/6/2016</u>	<u>31/12/2015</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Trong vòng một năm	132.445.241.203	2.133.324.000
Trong năm thứ hai	-	2.133.324.000
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	-	228.005.657.667
Sau năm năm	-	-
	<u>132.445.241.203</u>	<u>232.272.305.667</u>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	132.445.241.203	2.133.324.000
Số phải trả sau 12 tháng	<u>-</u>	<u>230.138.981.667</u>

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN

43 Mạc Dĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

25. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn CSH	Lợi nhuận chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư tại ngày 01/01/2015	3.800.000.000.000	2.397.482.187	21.179.913.858	(2.296.824.120)	(719.794)	3.495.964.052.370	1.014.770.873	1.469.879.831.035	216.801.330.136
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-	768.305.186.749	17.110.093.177
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	-	1.460.247.085	-	(1.460.247.085)	-
Trích Quỹ Khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	-	-	(132.500.557.810)	(2.143.406.569)
Trả cổ tức	-	-	-	-	-	-	-	(569.901.390.000)	(12.419.382.656)
Tặng/(giảm) do thoái vốn tại Công ty Cổ phần Bao bì Dạm Phú Mỹ	-	(359.293.133)	-	-	-	(404.523.753)	-	1.191.693.014	4.178.337.972
(Giảm) do Công ty liên kết thay đổi số dư đầu năm	-	-	-	-	-	-	-	(10.560.943.778)	-
Chuyển quỹ	-	-	-	-	-	1.014.770.873	(1.014.770.873)	-	-
Số dư tại ngày 30/6/2015	3.800.000.000.000	2.038.189.054	21.179.913.858	(2.296.824.120)	(719.794)	3.498.034.546.575	-	1.524.953.572.125	223.526.972.059
Số dư tại ngày 01/01/2016	3.800.000.000.000	-	21.179.913.858	(2.296.824.120)	-	3.498.666.363.829	-	1.038.014.367.026	191.941.449.662
Tăng vốn trong kỳ	114.000.000.000	-	-	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-	785.999.242.160	12.997.697.605
Trích lập các quỹ (1)	-	-	-	-	-	435.237.437	-	(435.237.437)	-
Trích Quỹ Khen thưởng phúc lợi (1)	-	-	-	-	-	-	-	(127.908.618.568)	(3.610.520.072)
Chia cổ tức (2)	-	-	-	-	-	-	-	(587.001.390.000)	(13.162.500.000)
Tặng/(giảm) do thoái vốn tại Công ty Cổ phần Quản lý và Phát triển nhà Dầu khí Miền Nam	-	-	-	-	-	(4.221.131.471)	-	4.221.131.471	(15.480.273.886)
Tặng do Công ty liên kết thay đổi số dư đầu năm	-	-	-	-	-	-	-	47.342.540	-
Điều chỉnh khác	-	-	-	-	-	-	-	98.904	-
Số dư tại ngày 30/6/2016	3.914.000.000.000	-	21.179.913.858	(2.296.824.120)	-	3.494.880.469.795	-	1.112.936.936.096	172.685.853.309

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DN/HN****25. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)****Thay đổi trong vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**

(1) Số trích lập các quỹ trong năm bao gồm trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ đầu tư phát triển của Tổng Công ty và các đơn vị thành viên theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông của Tổng Công ty và các đơn vị thành viên.

(2) Trong 6 tháng đầu năm 2016, Tổng Công ty đã công bố chi trả cổ tức còn lại từ lợi nhuận sau thuế năm 2015 là 587.001.390.000 đồng (1.500 đồng/cổ phần) theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 28/NQ-ĐHĐCĐ thông qua ngày 28 tháng 4 năm 2016.

Cổ phiếu	30/6/2016	31/12/2015
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
+) <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	391.400.000	380.000.000
+) <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu quỹ		
+) <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	65.740	65.740
+) <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
+) <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	391.334.260	379.934.260
+) <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu.

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103007696 ngày 31 tháng 8 năm 2007 và sửa đổi lần thứ 13 ngày 10 tháng 3 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, vốn điều lệ của Tổng Công ty là 3.914.000.000.000 đồng. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

Cổ đông	Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi		Vốn đã góp 30/6/2016	Vốn đã góp 31/12/2015
	VND	%	VND	VND
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	2.332.042.530.000	59,58	2.332.042.530.000	2.332.042.530.000
Các cổ đông khác	1.581.957.470.000	40,42	1.581.957.470.000	1.467.957.470.000
	3.914.000.000.000	100%	3.914.000.000.000	3.800.000.000.000

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN

43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DN/HN****25. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)****Biến động của lợi ích cổ đông không kiểm soát trong kỳ như sau:**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Số dư tại ngày 01/01/2016	142.201.200.000	17.509.266.332	32.230.983.330	191.941.449.662
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	12.997.697.605	12.997.697.605
Trích lập các quỹ	-	145.079.146	(145.079.146)	-
Trích Quỹ Khen thưởng phúc lợi	-	-	(3.610.520.073)	(3.610.520.073)
Chia cổ tức	-	-	(13.162.500.000)	(13.162.500.000)
(Giảm) do thoái vốn tại Công ty Cổ phần Quản lý và Phát triển nhà Dầu khí Miền Nam	(13.451.200.000)	(965.808.159)	(1.063.265.726)	(15.480.273.885)
Số dư tại ngày 30/6/2016	128.750.000.000	16.688.537.319	27.247.315.991	172.685.853.309

26. CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

	Đơn vị	30/6/2016	31/12/2015
Ngoại tệ các loại			
- Đô La Mỹ	USD	215.423	2.141.450
- Euro	EUR	32.565	32.574

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DN/HN****27. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ****Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh:**

Tổng Công ty tổ chức bộ phận hoạt động kinh doanh trên cơ sở các đơn vị hoạt động tương đối riêng biệt về lĩnh vực và ngành nghề kinh doanh. Các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tổng Công ty và các công ty con bao gồm:

- Sản xuất, kinh doanh phân đạm và các sản phẩm hóa chất bao gồm: Công ty mẹ, Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Bắc, Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Trung, Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ và Công ty Cổ phần Phân bón Hóa chất và Dầu khí Đông Nam Bộ.

- Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm bao bì: Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ (tại ngày 01 tháng 10 năm 2015, Tổng Công ty đã thực hiện thoái vốn đầu tư tại Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ).

- Xây dựng công trình dân dụng và cung cấp dịch vụ khác bao gồm: Công ty Cổ phần Quản lý và Phát triển nhà Dầu khí Miền Nam (tại ngày 01 tháng 01 năm 2016, Tổng Công ty đã thực hiện thoái toàn bộ vốn đầu tư tại Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ).

Tổng Công ty đã thực hiện thoái vốn đầu tư tại Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ và Công ty Cổ phần Quản lý và Phát triển nhà Dầu khí Miền Nam như trình bày nêu trên, theo đó thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 và toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 đều liên quan đến hoạt động kinh doanh phân đạm và các sản phẩm hóa chất. Doanh thu, giá vốn theo từng mặt hàng và hoạt động sản xuất kinh doanh được trình bày tại Thuyết minh số 28.

Bộ phận theo khu vực địa lý:

Tổng Công ty thực hiện phân phối các sản phẩm phân bón, hóa chất, bao bì và cung cấp dịch vụ khắp cả nước thông qua các Công ty con tại từng khu vực bao gồm Miền Bắc, Miền Trung - Tây Nguyên, Đông Nam Bộ, Tây Nam Bộ và Thành phố Hồ Chí Minh. Trong kỳ, Tổng Công ty thực hiện xuất khẩu với doanh thu khoảng hơn 18 tỷ đồng - chiếm tỷ trọng không đáng kể trong tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của Tổng Công ty. Do vậy, gần như toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty trong kỳ được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam.

28. DOANH THU VÀ GIÁ VỐN

	Kinh doanh hàng hóa sản xuất trong nước VND	Kinh doanh hàng hóa nhập khẩu VND	Tổng cộng VND
Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/6/2016			
Doanh thu thuần	3.104.803.169.335	1.319.578.120.822	4.424.381.290.157
Giá vốn hàng bán	(1.637.011.054.797)	(1.258.430.892.185)	(2.895.441.946.982)
Lợi nhuận gộp	1.467.792.114.538	61.147.228.637	1.528.939.343.175
Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015			
Doanh thu thuần	3.719.293.696.569	1.408.724.520.935	5.128.018.217.504
Giá vốn hàng bán	(2.216.325.893.170)	(1.345.355.073.706)	(3.561.680.966.876)
Lợi nhuận gộp	1.502.967.803.399	63.369.447.229	1.566.337.250.628

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN43 Mạc Đình Chi, Phường Đa Kao, Quận
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DN/HN****28. DOANH THU VÀ GIÁ VỐN (Tiếp theo)**

Chi tiết doanh thu kinh doanh hàng hóa sản xuất trong nước như sau:

	Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/6/2016	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015
	VND	VND
Doanh thu Ure Phú Mỹ	2.919.097.768.940	3.254.642.737.103
Doanh thu Ure Cà Mau	21.409.830.000	123.933.925.000
Doanh thu Amoniac	127.020.867.037	107.786.141.356
Doanh thu điện	838.452.184	709.596.932
Doanh thu UFC 85%	4.877.220.950	-
Doanh thu khác	74.772.596.543	246.584.672.619
	3.148.016.735.654	3.733.657.073.010
Chiết khấu thương mại	43.213.566.319	14.363.376.441
	3.104.803.169.335	3.719.293.696.569
Doanh thu phát sinh trong năm với các bên liên quan (chi tiết trình bày ở Thuyết minh số 38)	164.742.341.412	87.534.261.004

Chi tiết giá vốn kinh doanh hàng hóa sản xuất trong nước như sau:

	Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/6/2016	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015
	VND	VND
Giá vốn kinh doanh Ure	1.499.282.960.566	1.833.182.829.349
Giá vốn kinh doanh Ure Cà Mau	20.994.831.220	122.166.026.131
Giá vốn kinh doanh Amoniac	50.828.797.736	60.046.807.816
Giá vốn kinh doanh điện	905.698.201	1.180.235.787
Giá vốn kinh doanh UFC 85%	4.648.999.797	-
Giá vốn khác	60.349.767.277	199.749.994.087
	1.637.011.054.797	2.216.325.893.170

29. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/6/2016	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	995.281.769.499	1.241.515.730.088
Chi phí nhân công	240.621.106.822	238.849.207.904
Chi phí khấu hao	128.750.466.107	122.412.681.359
Chi phí dịch vụ mua ngoài	441.513.380.350	382.413.009.908
Chi phí khác bằng tiền	252.553.202.631	194.094.518.100
	2.058.719.925.409	2.179.285.147.359

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN

43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**MÃU SỐ B 09a-DN/HN****30. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/6/2016	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015
	VND	VND
Lãi tiền gửi	111.937.576.835	128.543.853.890
Lãi chênh lệch tỷ giá	374.156.666	1.426.297.637
Khác	1.485.697.917	-
	113.797.431.418	129.970.151.527

31. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/6/2016	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015
	VND	VND
Lãi tiền vay	1.733.006.920	1.355.949.426
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	3.256.724.153	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá	1.160.066.660	1.727.517.315
Lỗ do thoái vốn tại Công ty Cổ phần Dầu khí nhà Miền Nam	4.135.121.774	-
Khác	91.366.458	223.236
	10.376.285.965	3.083.689.977

32. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/6/2016	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015
	VND	VND
Chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ		
Chi phí vận chuyển, bốc xếp lưu kho	155.200.511.631	165.312.436.384
Chi phí nhân viên bán hàng	46.058.737.037	33.763.551.377
Chi phí an sinh xã hội	40.615.881.400	47.478.042.100
Chi phí quảng cáo, truyền thông	88.165.254.741	46.138.139.957
Các khoản chi phí bán hàng khác	62.123.316.955	50.590.885.697
	392.163.701.764	343.283.055.515
Chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ		
Chi phí nhân viên quản lý	81.621.254.366	77.920.319.880
Phí quản lý nộp Tập đoàn	15.218.924.595	15.604.057.564
Chi phí khấu hao tài sản cố định	46.316.068.182	45.003.548.684
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	127.573.593.532	92.894.895.840
	270.729.840.675	231.422.821.968

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN43 Mạc Đình Chi, Phường Đa Kao, Quận
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DN/HN****33. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/6/2016	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	194.389.233.788	144.602.590.265
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	194.389.233.788	144.602.590.265

Đối với hoạt động sản xuất và kinh doanh phân đạm: Tổng Công ty và các công ty con có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 15% tính trên thu nhập chịu thuế.

Đối với các hoạt động kinh doanh khác: Tổng Công ty và các công ty con có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 20% tính trên thu nhập chịu thuế.

34. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/6/2016	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	785.999.242.160	768.305.186.749
- Trích Quỹ Khen thưởng phúc lợi	(126.570.609.314)	(77.951.680.510)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	659.428.632.846	690.353.506.239
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong kỳ	387.701.293	379.934.260
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.701	1.817

35. CÁC KHOẢN CAM KẾT**Cam kết thuê hoạt động**

Tại ngày kết thúc kỳ hoạt động, Tổng Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	30/6/2016	31/12/2015
	VND	VND
Trong vòng một năm	18.247.695.274	21.279.554.938
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	61.688.700.337	63.604.701.454
Sau năm năm	403.662.161.064	416.839.441.591
	483.598.556.675	501.723.697.983

Khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện tổng số tiền Tổng Công ty và các đơn vị thành viên phải trả cho việc thuê đất để xây dựng nhà xưởng, kho bãi. Bao gồm các Hợp đồng thuê sau:

- Từ ngày 03 tháng 9 năm 2005, Công ty mẹ đã tiếp nhận Hợp đồng thuê lại đất số 178/HĐ/TLĐ/UDEC.2001 ngày 01 tháng 6 năm 2001 được ký giữa Ban Quản lý Dự án Nhà máy Đạm Phú Mỹ với Công ty Xây dựng và Phát triển Đô thị tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cho việc thuê dài hạn đất và cơ sở hạ tầng tại Khu Công nghiệp Phú Mỹ I, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Hợp đồng thuê có thời hạn 17 năm kể từ ngày 03 tháng 9 năm 2004. Theo Phụ lục hợp đồng số 135/PLHĐ/IZICO ký ngày 07 tháng 11 năm 2013 thì từ năm 2014 trở đi, Tổng Công ty phải trả tiền thuê đất thô và phí sử dụng hạ tầng bằng VND vào ngày 15 tháng 02 hàng năm của năm thuê đất đó với số tiền mỗi năm phải trả là 666.524 USD.

Ngày 07 tháng 6 năm 2012, Công ty ký với Công ty đầu tư và khai thác hạ tầng KCN Đông Xuyên, Phú Mỹ I hợp đồng nguyên tắc số 01/HĐNT/IZICO-PVFCCo, theo đó hợp đồng thuê đất được 2 bên gia hạn tới năm 2048 với mục đích "Kéo dài thời gian hoạt động của Dự án nhà máy đạm và xây dựng các dự án phụ trợ theo Công văn số 249/BQL_ĐT ngày 30 tháng 4 năm 2012 của Ban quản lý các khu Công nghiệp Bà Rịa - Vũng Tàu và văn bản giải trình số 470/PBHC-PC ngày 15 tháng 5 năm 2012 của Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí.

- Ngày 14 tháng 5 năm 2014, Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Bắc - Công ty con của Tổng Công ty đã ký Phụ lục số 2 của Hợp đồng số 1521/2011/HĐ-VDKVN/PVFCCo North về việc thuê văn phòng tại Tòa nhà Viện Dầu khí Việt Nam trong thời hạn 3 năm kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2014. Tổng diện tích thuê bao gồm 655 m² khu văn phòng và 55 m² khu phụ trợ với số tiền thuê là 274.300.000 đồng/tháng.

Cam kết vốn

Theo Quyết định số 115/QĐ-PHBC ngày 08 tháng 4 năm 2014, Hội đồng Quản trị Tổng Công ty đã phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng nâng công suất phân xưởng NH₃ của Nhà máy Đạm Phú Mỹ và xây dựng nhà máy sản xuất phân NPK công nghệ hóa học, cung cấp và đáp ứng nhu cầu tiêu thụ NH₃ và phân NPK trong nước với tổng mức đầu tư là 4.987.200.000.000 đồng, dự kiến thời gian hoàn thành của dự án là Quý 2 năm 2017. Đến ngày 30 tháng 6 năm 2016, giá trị đã thực hiện đầu tư của dự án là 585.583.845.829 đồng.

Cam kết khác

Theo Phụ lục sửa đổi bổ sung số 04 của Hợp đồng mua bán khí số 82/2010/PVGas-KTTT/TM-PVFCCo/B1 ngày 07 tháng 5 năm 2010 với Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016, giá khí được tính theo công thức tính giá khí được giao nhận tại điểm giao nhận khí như sau: Giá khí không bao gồm VAT (USD/MMBTU) = 46%*Giá dầu trung bình MFOC + cước phí bể Cừu Long áp dụng cho nhà máy Đạm Phú Mỹ, với mức cước phí áp dụng cho năm 2016 là 0,94 USD/mmBTU.

36. CÔNG NỢ TIỀM TÀNG

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, Tổng Công ty có các khoản cam kết bảo lãnh đối ứng với Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (“Tập đoàn”) liên quan đến nghĩa vụ bảo lãnh của Tập đoàn cho các khoản vay vốn ngắn và trung hạn của Công ty Cổ phần Hóa dầu và Xơ sợi Dầu khí (“PVTEX”) - Công ty liên kết của Công ty, theo đó Tổng Công ty cam kết hoàn trả cho Tập đoàn toàn bộ gốc vay, lãi vay, chi phí, lệ phí, tổn thất và phí tổn thất phát sinh mà Tập đoàn đã trả cho các ngân hàng tương ứng tỷ lệ vốn góp của Tổng Công ty tại PVTEX, việc hoàn trả được thực hiện trong vòng 45 ngày kể từ ngày Tập đoàn có công văn yêu cầu Tổng Công ty hoàn trả số tiền trên. Ngày 23 tháng 01 năm 2015, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam đã có Công văn số 527/DKVN-TCKT yêu cầu Tổng Công ty thực hiện các cam kết nêu trên, cụ thể: Tập đoàn đã thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh, trả thay cho PVTEX một phần khoản vay trung hạn đầu tư xây dựng nhà máy và khoản vay ngắn hạn để vận hành chạy thử với số tiền tổng cộng là 389,4 tỷ đồng, theo đó, Tổng Công ty đã hoàn trả cho Tập đoàn số tiền tương ứng tỷ lệ vốn góp của Tổng Công ty vào PVTEX là 101,2 tỷ đồng. Trong 6 tháng đầu năm 2016, Tổng Công ty đã thực hiện hoàn trả cho Tập đoàn hơn 6,1 tỷ đồng liên quan đến nghĩa vụ bảo lãnh đối ứng cho chi phí lãi vay Tập đoàn đã trả thay PVTEX.

Theo Công văn số 9792/CV-KHDN ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam về việc cơ cấu khoản vay dự án xây dựng Nhà máy Sản xuất Xơ sợi Tổng hợp Polyester Đình Vũ: ngày trả nợ gốc tiếp theo là ngày 21 tháng 6 năm 2017, như vậy tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 Tổng Công ty không có nghĩa vụ hoàn trả Tập đoàn bất cứ số tiền nào liên quan đến các khoản cam kết bảo lãnh đối ứng với Tập đoàn nêu trên.

37. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro vốn**

Tổng Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Tổng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Tổng Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 24 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền), phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty mẹ (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối) và vốn thuộc sở hữu của các cổ đông không kiểm soát tại các Công ty con.

Hệ số đòn bẩy tài chính của Tổng Công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	30/6/2016	31/12/2015
	VND	VND
Các khoản vay	132.445.241.203	232.272.305.667
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	5.143.438.505.430	5.690.048.266.789
Nợ thuần	-	-
Vốn chủ sở hữu	<u>8.713.386.348.938</u>	<u>8.547.505.270.255</u>
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	<u>-</u>	<u>-</u>

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Tổng Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 4.

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DN/HN****37. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****Các loại công cụ tài chính**

	Giá trị ghi sổ	
	30/6/2016	31/12/2015
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.143.438.505.430	5.690.048.266.789
Đầu tư tài chính ngắn hạn	105.000.000.000	80.950.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	319.678.586.159	239.055.851.076
Tổng cộng	5.568.117.091.589	6.010.054.117.865
Công nợ tài chính		
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	132.445.241.203	232.272.305.667
Phải trả người bán và phải trả khác	556.435.050.916	1.377.368.345.085
Chi phí phải trả	165.455.406.302	57.056.342.544
Dự phòng phải trả	265.455.673.197	136.735.807.241
Tổng cộng	1.119.791.371.618	1.803.432.800.537

Tổng Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Tổng Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Tổng Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Tổng Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất và giá. Tổng Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này sau khi Ban Tổng Giám đốc đánh giá chi phí để thực hiện phòng ngừa rủi ro này có thể cao hơn chi phí phát sinh do rủi ro thị trường khi có sự thay đổi về tỷ giá, lãi suất và giá của các công cụ tài chính này trong tương lai.

Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu do Tổng Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Tổng Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Tổng Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện đánh giá các khoản đầu tư cổ phiếu và trích lập dự phòng cho 2 khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin, Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí (PAIC) và Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản Út Xi với tổng mức trích lập hơn 3,5 tỷ đồng.

37. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)***Quản lý rủi ro lãi suất***

Tổng Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Tổng Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Tổng Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Tổng Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Tổng Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Tổng Công ty. Tổng Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Tổng Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, Tổng Công ty có một số khoản phải thu tồn đọng lâu ngày và khó có khả năng thu hồi. Theo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc, khả năng thu hồi các khoản phải thu này là rất thấp. Vì vậy, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty quyết định lập dự phòng toàn bộ cho các khoản phải thu này với số tiền lũy kế đến ngày 30 tháng 6 năm 2016 là 236.465.152.750 đồng (tại 31/12/2015 là 220.917.749.667 đồng).

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Tổng Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Tổng Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Tổng Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Tổng Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Tổng Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN43 Mạc Đình Chi, Phường Đa Kao, Quận
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**
Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09a-DN/HN****37. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)***Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)*

30/6/2016	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Sau 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.143.438.505.430	-	-	5.143.438.505.430
Đầu tư tài chính ngắn hạn	105.000.000.000	-	-	105.000.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	319.678.586.159	-	-	319.678.586.159
Tổng cộng	5.568.117.091.589	-	-	5.568.117.091.589
30/6/2016	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Sau 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND	VND
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	132.445.241.203	-	-	132.445.241.203
Phải trả người bán và phải trả khác	555.526.965.916	908.085.000	-	556.435.050.916
Chi phí phải trả	165.455.406.302	-	-	165.455.406.302
Dự phòng phải trả	48.214.293.886	217.241.379.311	-	265.455.673.197
Tổng cộng	901.641.907.307	218.149.464.311	-	1.119.791.371.618
Chênh lệch thanh khoản thuần	4.666.475.184.282	(218.149.464.311)	-	4.448.325.719.971
31/12/2015	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Sau 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.690.048.266.789	-	-	5.690.048.266.789
Đầu tư tài chính ngắn hạn	80.950.000.000	-	-	80.950.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	217.940.941.985	21.114.909.091	-	239.055.851.076
Tổng cộng	5.988.939.208.774	21.114.909.091	-	6.010.054.117.865
31/12/2015	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Sau 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND	VND
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	2.133.324.000	230.138.981.667	-	232.272.305.667
Phải trả người bán và phải trả khác	1.370.541.381.011	6.826.964.074	-	1.377.368.345.085
Chi phí phải trả	57.056.342.544	-	-	57.056.342.544
Dự phòng phải trả	40.184.083.102	96.551.724.139	-	136.735.807.241
Tổng cộng	1.469.915.130.657	333.517.669.880	-	1.803.432.800.537
Chênh lệch thanh khoản thuần	4.519.024.078.117	(312.402.760.789)	-	4.206.621.317.328

Ban Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Tổng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN43 Mạc Đình Chi, Phường Đa Kao, Quận
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DN/HN****38. NGHIỆP VỤ VÀ SỎ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN***Các bên liên quan chủ yếu của Tổng Công ty bao gồm:*

Công ty mẹ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam

Các Công ty liên kết

Các Công ty cùng Tập đoàn

Trong kỳ, Tổng Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/6/2016	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015
	VND	VND
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam		
Cổ tức trả Tập đoàn	932.817.012.000	349.806.379.500
Phí quản lý nộp Tập đoàn	15.218.924.595	15.604.057.564
	948.035.936.595	365.410.437.064
Bán hàng		
Tổng Công ty Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí - CTCP (DMC)	26.944.013.950	36.629.743.600
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần (PV Gas)	8.870.900.000	26.463.332.385
Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn (BSR)	1.911.625.800	6.552.238.000
Tổng Công ty Dầu Việt Nam (PVOil)	344.158.650	3.597.799.200
Công ty Điều hành Dầu khí Biển Đông (BIENDONGPOC)	648.318.000	9.267.628.324
Công ty Cổ Phần Vận tải Dầu khí (PVTrans)	50.473.500	5.023.519.495
Công ty Cổ phần Hoá Dầu và Xơ Sợi Dầu khí (PVTEX)	120.863.416.410	-
Công ty TNHH MTV Phân bón Dầu khí Cà Mau (PVCFC)	5.109.435.102	-
	164.742.341.412	87.534.261.004
Mua hàng hóa, dịch vụ		
Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP (PVGas)	732.192.776.689	962.090.390.122
Công ty TNHH MTV Phân bón Dầu khí Cà Mau (PVCFC)	1.860.000.000	49.377.720.000
Tổng Công ty Công nghệ Năng lượng Dầu khí Việt Nam - CTCP (EIC)	1.942.020.288	2.346.761.536
Viện Dầu khí Việt Nam (VPI)	871.071.847	1.243.671.839
Tổng Công ty Dầu Việt Nam (PVOil)	571.466.410	-
Công ty Cổ phần PVI	32.284.949.539	30.166.119.923
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ tổng hợp dầu khí (Petrosetco)	2.424.550.809	13.875.266.989
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (PTSC)	16.290.448.165	19.475.478.650
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí (PVTrans)	6.900.281.836	12.661.654.894
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí	1.566.492.191	-
Công ty Cổ Phần Bao Bì Đạm Phú Mỹ	53.097.039.390	-
	850.001.097.164	1.091.237.063.953

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN43 Mạc Đình Chi, Phường Đa Kao, Quận
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DN/HN****38. NGHIỆP VỤ VÀ SÓ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)***Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 như sau:*

	<u>30/6/2016</u>	<u>31/12/2015</u>
	VND	VND
Phải thu khách hàng		
Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn (BSR)	34.636.800	3.261.323.890
Công ty Điều hành Dầu khí Biển Đông (BIENDONGPOC)	558.437.550	5.744.374.020
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	-	4.885.205.312
Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP (PVGas)	-	590.785.644
Công ty Cổ phần Hoá Dầu và Xơ Sợi Dầu khí (PVTEX)	224.533.070	195.253.105
Tổng Công ty CP Vận tải Dầu khí (PVTrans)	-	88.216.138
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (PTSC)	78.011.650	91.478.480
Công ty TNHH MTV Phân bón Dầu khí Cà Mau (PVCFC)	314.036.635	-
Tổng Công ty Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí - CTCP (DMC)	628.200.000	-
	<u>1.837.855.705</u>	<u>14.856.636.589</u>
Trả trước cho người bán		
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí (PVC Mekong)	5.118.217.417	5.684.164.656
Công ty TNHH MTV Phân bón Dầu khí Cà Mau (PVCFC)	1.185.961.760	3.045.961.760
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	267.444.940.904	295.162.847.973
Tổng Công ty Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí - CTCP (DMC)	2.474.686.408	-
	<u>276.223.806.489</u>	<u>303.892.974.389</u>
Phải thu ngắn hạn khác		
Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Công đoàn Dầu khí Việt Nam (PVFI)	110.143.267.289	110.143.267.289
Công ty Cổ phần Hoá Dầu và Xơ Sợi Dầu khí (PVTEX)	108.213.621.735	101.207.873.164
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Bắc	12.792.091.037	12.792.091.037
	<u>231.148.980.061</u>	<u>224.143.231.490</u>
Phải trả người bán		
Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP (PVGas)	148.381.907.079	132.617.055.994
Công ty Cổ phần Cảng Dịch Vụ Dầu Khí Tổng Hợp (PTSC)	3.600.124.114	55.564.201.824
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PVC)	3.188.351.271	8.394.696.761
Tổng Công ty Công nghệ năng lượng Dầu khí Việt Nam - CTCP (EIC)	304.619.439	1.796.605.459
Viện Dầu khí Việt Nam (VPI)	133.702.272	1.760.649.790
Công ty Cổ phần PVI	358.232.131	301.616.099
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ tổng hợp dầu khí (Petrosetco)	985.718.248	8.575.868
Tổng Công ty Dầu Việt Nam (PVOil)	49.733.480	160.680.000
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí (PVTrans)	1.467.732.613	-
Công ty cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ	15.147.578.600	-
	<u>173.617.699.247</u>	<u>200.604.081.795</u>

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09a-DN/HN****38. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)***Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 như sau (Tiếp theo):*

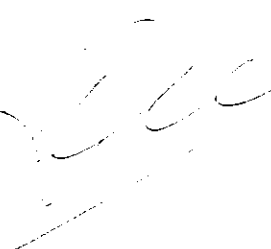
	30/6/2016	31/12/2015
	VND	VND
Người mua trả tiền trước		
Công ty Cổ phần Hoá Dầu và Xơ Sợi Dầu khí	4.698.430.000	6.037.305.000
Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP (PVGas)	59.600.000	54.602.532
Tổng Công ty Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí - CTCP (DMC)	191.116.250	120.464.600
	4.949.146.250	6.212.372.132
Vay		
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh	132.445.241.203	226.950.078.667
	132.445.241.203	226.950.078.667
Phải trả ngắn hạn khác		
Tập đoàn dầu khí Việt Nam - Cổ tức phải trả	-	582.914.138.405
	-	582.914.138.405

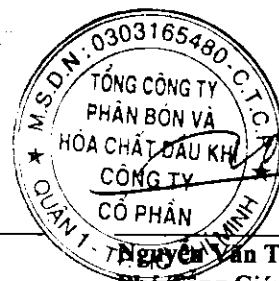
39. SỐ LIỆU SO SÁNH

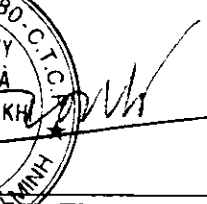
Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu trên báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được kiểm toán.

Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 đã được soát xét.


Trần Xuân Thảo
Người lập biểu


Võ Ngọc Phương
Kế toán trưởng




Nguyễn Văn Tông
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 10 tháng 8 năm 2016